

 (84-0290) 3 822 772 - 3 839 220  (84-0290) 3 834 358

 info@tncm.com.vn

 www.tncm.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



Số 70 – 72, Đường Đền Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

2021
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**



QUẢN TRỊ CÔNG TY



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
Tên viết tắt:	CAMEX
Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	2000110221 đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31/03/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp (cấp lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6103000105 ngày 01/12/2007).
Vốn điều lệ:	181.558.680.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	181.558.680.000 đồng
Địa chỉ:	Số 70 – 72, Đường Đền Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
Số điện thoại:	(0290) 3 822 772 - 3 839 220
Số fax:	(0290) 3 834 358
Email:	info@tncm.com.vn
Website:	www.tncm.com.vn
Mã cổ phiếu:	CMV

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty tiếp nhận thêm 5 doanh nghiệp Nhà nước gồm có Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (tháng 04/1987), Công ty Xuất nhập khẩu thị xã (tháng 02/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (tháng 04/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (tháng 08/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh Truyền hình Minh Hải (tháng 06/1996), nhằm có thể mở rộng quy mô và thị phần.

Ngày 06/02/2007, nhằm thực hiện chủ trương cổ phần hóa Công ty Thương nghiệp Cà Mau, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB.

Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa Công ty đã được phê duyệt theo Quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau.

Ngày 28/11/2007, Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CAMEX) với vốn điều lệ 70 tỷ đồng.

Ngày 01/12/2007, Công ty chính thức đi vào hoạt động.

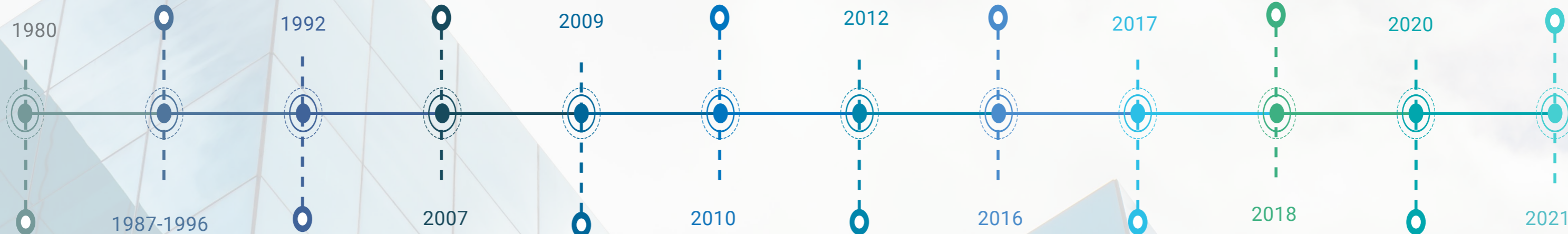
Ngày 21/06/2010, Cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được niêm yết và chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là CMV. Đồng thời, năm 2012, Công ty cũng tiến hành phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 cho năm 2009 với tỷ lệ 19%

Ngày 01/01/2016, Cửa hàng Điện máy Lê Lợi tổ chức buổi lễ khai trương, chính thức được thành lập.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hưng Long nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, qua đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của CAMEX mà không cần thực hiện chào mua công khai.

Ngày 31/03/2021, Hội đồng quản trị công ty thông qua việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT.

Công ty nâng vốn điều lệ từ 121,039 tỷ đồng lên 181,559 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.



Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau có tiền thân là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau hoạt động từ năm 1980

Ngày 10/10/1992, Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 2,51 tỷ đồng.

Công ty thực hiện phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên, qua đó tăng mức vốn điều lệ lên 80,499 tỷ đồng.

Công ty phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP 5% cho cán bộ công nhân viên, phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%.

Công ty nâng vốn điều lệ từ 84,499 tỷ đồng lên 121,039 tỷ đồng

Ngày 19/10/2017, SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty.

Ngày 31/12/2020 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

2005 – 2010

- Nhận được Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
- Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam).
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).

2010 – 2015

- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).
- Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013.
- Ngày 27/01/2014, Hội khuyến học TP. Cà Mau tặng Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau giấy khen vì đơn vị đã nhiều năm liền hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.
- Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013.
- Bằng khen Số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội thành phố Cà Mau (1999 – 2014).
- Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 Của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).
- Quyết định số 43/QĐ-BHXH ngày 15/01/2015 của BHXH Việt Nam về thành tích **"Thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014"**.
- Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích **"Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014"**

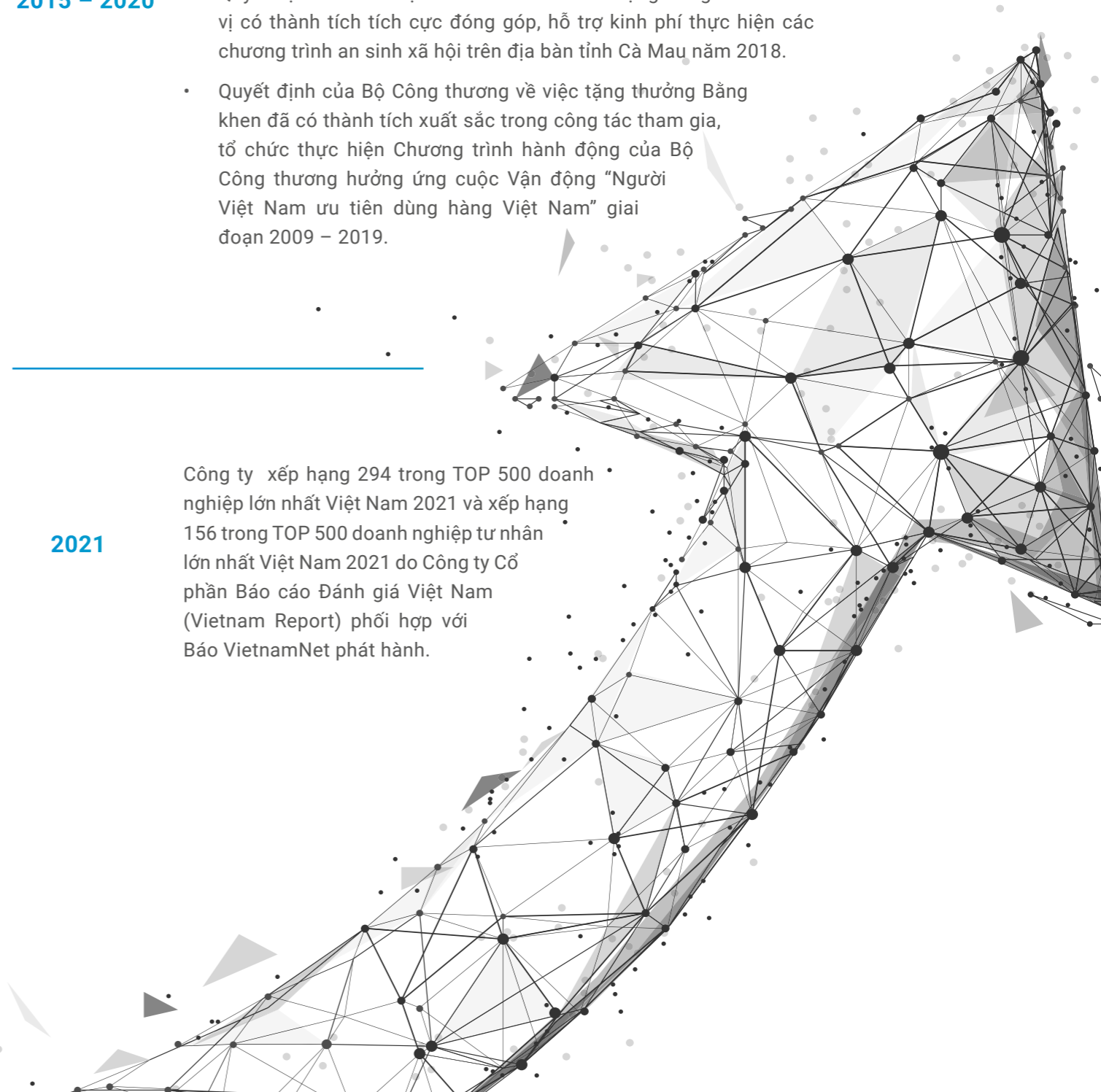
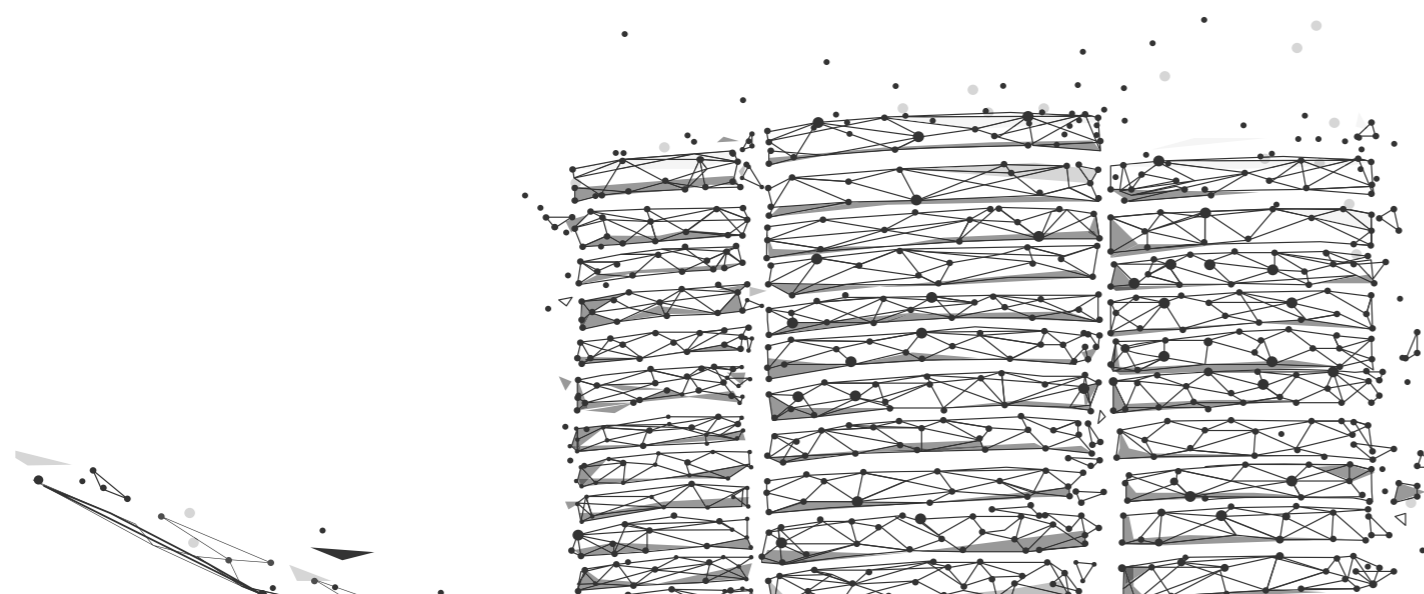


2015 – 2020

- Công ty được xếp hạng năm trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018.
- Quyết định của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc Vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2009 – 2019.

2021

Công ty xếp hạng 294 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021 và xếp hạng 156 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.



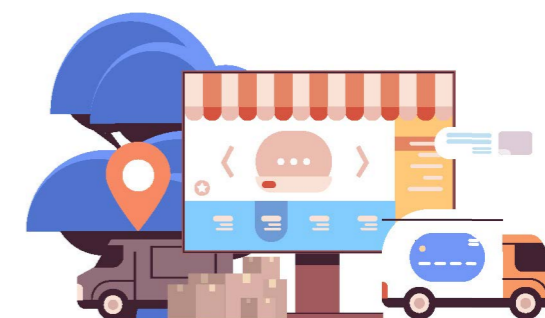
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí đầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng.
- » Thi công các công trình. Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác.
- » Bán buôn hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát.
- » Bán buôn thuốc lá điếu các loại.
- » Bán buôn hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại.
- » Bán buôn hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy.
- » Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình. Hàng may mặc, dầy dép.
- » Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- » Dịch vụ ăn uống, thực phẩm các loại.
- » Mua bán vật liệu xây dựng.
- » Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; san lấp mặt bằng.
- » Trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh và các cây ăn quả, cây lâu năm.
- » Bán buôn điện thoại di động, sim card, thẻ cào.
- » Bán buôn khăn vệ sinh, khăn lau mặt, tả lót trẻ em, các sản phẩm cá nhân bằng giấy.



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Thị trường hoạt động chính của Công ty là tỉnh Cà Mau và đặc biệt tập trung vào trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh là thành phố Cà Mau. Đồng thời, Công ty cũng mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận.

Hiện nay doanh nghiệp đã có 4 chi nhánh chính hoạt động trải đều khắp các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các vùng lân cận như Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng.



Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh

Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang

Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu

Lô B6, đường D1, Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng

Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của CMV.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

- Ban kiểm soát**

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Ban Tổng giám đốc**

Là Ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết

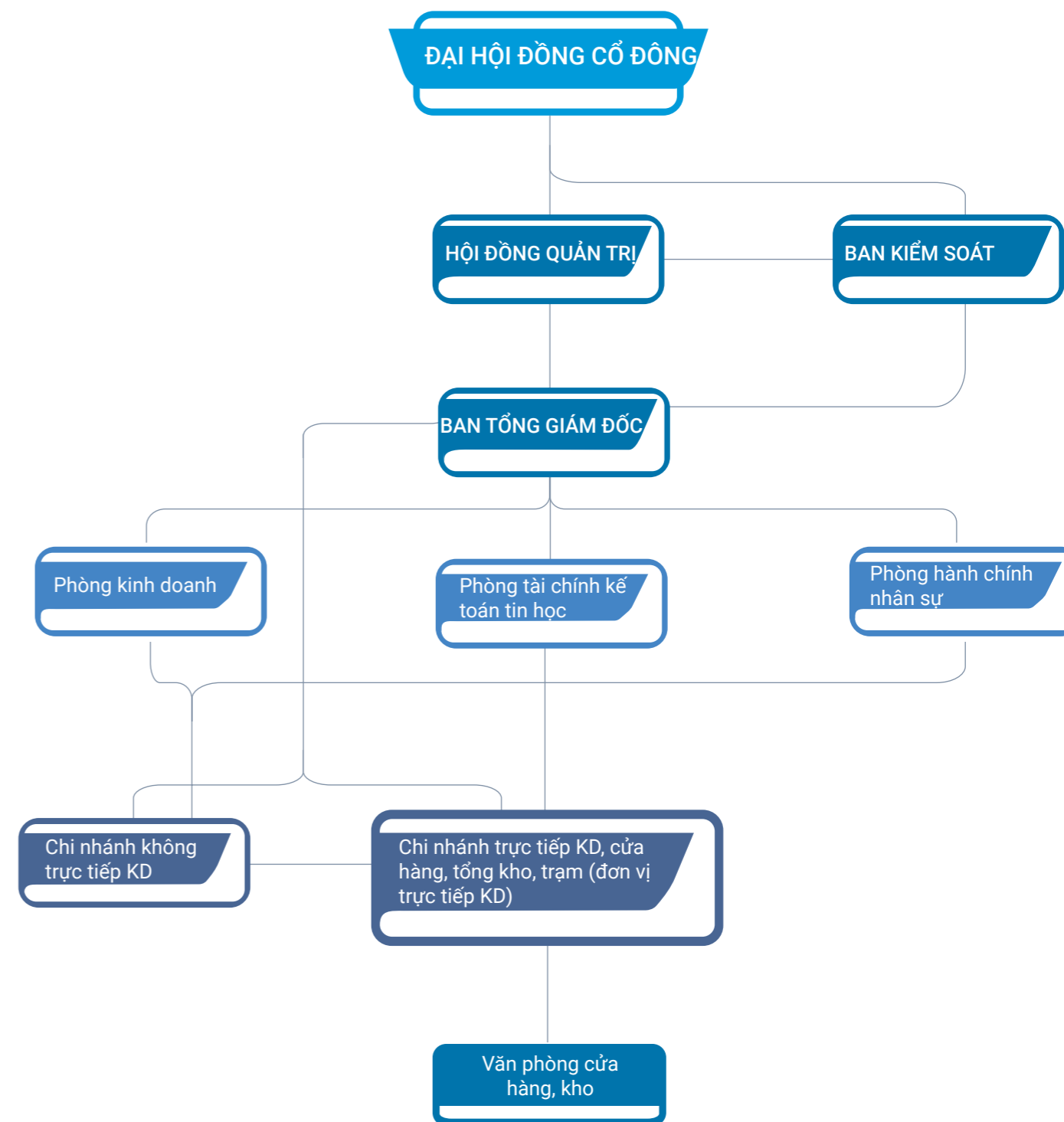
STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Bách Việt	15B Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.	Kinh doanh các mặt hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm,.....	12 tỷ đồng	100%
2	Công ty CP In Bạc Liêu	15 Hoàng Văn Thụ, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Hoạt động trong lĩnh vực in ấn	5,86 tỷ đồng	55%

Công ty không có công ty liên kết, liên doanh

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là Công ty Cổ phần tổ chức mô hình quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, gồm các bộ phận: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Công ty luôn giữ mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, xây dựng thương hiệu với vị thế vững chắc và uy tín trên thị trường.

Trong giai đoạn năm 2020 – 2025, mục tiêu chính của Công ty bao gồm:

- » Mở rộng mạng lưới cửa hàng;
- » Tăng độ phủ và thị phần buôn bán hàng hóa;
- » Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5%- 12%;
- » Luôn đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và các nhà đầu tư;
- » Tạo điều kiện nâng cao chất lượng đời sống của người lao động;
- » Tăng cường quản trị nội bộ, gia tăng tính minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động kinh doanh.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGẮN VÀ DÀI HẠN

Chiến lược ngắn hạn

Hiện tại, Công ty vẫn tập trung phát triển vào thị trường Cà Mau.

Trong lĩnh vực xăng dầu: Công ty tiếp tục giữ vững thị phần bán buôn. Đồng thời, thực hiện mở rộng hệ thống các cửa hàng, các đại lý bán lẻ nhằm nâng cao thị phần bán lẻ của Công ty. Ngoài ra, CAMEX đẩy mạnh phát triển thêm các hệ thống đại lý bán lẻ tại các địa điểm vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của các thị trường này, với mục tiêu đặt ra xây dựng mở rộng thêm 1-2 cây xăng mới hàng năm năm trên các vị trí đặc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của tỉnh.

Trong lĩnh vực kinh doanh bách hóa: Công ty tiếp tục mở rộng hệ thống kinh doanh sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng với mục tiêu khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này. Đồng thời, CAMEX luôn nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty nỗ lực để có thể trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng tại các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng.

Chiến lược dài hạn

Là một công ty hoạt động với nhiều ngành nghề đa dạng, CAMEX tận dụng lợi thế này như một chiến lược nhằm gia tăng lợi nhuận thu được từ nhiều lĩnh vực như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas,... Đồng thời, Công ty xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu của Công ty, nhằm phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn của tỉnh và các vùng lân cận, từ đó nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường Tây Nam Bộ.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một nhân tố quan trọng thể hiện và ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng trong hầu hết các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh. Bước vào đầu năm 2021, thương mại toàn cầu có dấu hiệu phục hồi so với năm 2020 đầy biến động, các chỉ số kinh tế ghi nhận có xu hướng chậm dần, tỷ lệ lạm phát tuy có dấu hiệu gia tăng nhưng vẫn nằm trong khả năng kiểm soát. Tuy nhiên, đến cuối tháng 4/2021, khi biến chứng Delta bùng phát, việc này đã khiến sự tăng trưởng của nền kinh tế có dấu hiệu chững lại rõ rệt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2021 tăng 2,58% so với năm 2020. Trong thời điểm bùng phát dịch COVID-19 năm nay, một trong những lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là ngành bán buôn, bán lẻ giảm 0,21% so với cùng kỳ năm trước đó. Các tỉnh thành ở khu vực phía Nam nói chung và CAMEX nói riêng đã phải chịu ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng từ các lệnh giãn cách xã hội của Chính phủ, từ đó ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



Nhằm đối mặt với sự biến động khó lường của nền kinh tế, Chính phủ thông qua nhiều giải pháp phục hồi tăng trưởng, tại đó đề ra mục tiêu ưu tiên kiểm soát dịch COVID-19, kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định chính trị xã hội và kinh tế vĩ mô,... . Cùng với những nỗ lực của Chính phủ đối với mục tiêu phục hồi tăng trưởng kinh tế, Ban lãnh đạo Công ty vẫn tiếp tục theo dõi sát sao tình hình biến động của thị trường trong nước nhằm xây dựng và điều chỉnh kế hoạch dự phòng kịp thời và phù hợp cho những rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

Rủi ro pháp luật



Pháp luật luôn là yếu tố chi phối xuyên suốt quá trình hoạt động của các doanh nghiệp. CAMEX là Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chịu sự kiểm soát của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,... và các văn bản dưới Luật có liên quan. Trong đó có các văn bản Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào ngày 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào ngày 17/06/2020, hai văn bản Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 với những quy định và cơ chế được cập nhật mới nhất. Những thay đổi trong hệ thống pháp luật sẽ có nhiều tác động đến tình hình quản trị cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 đã chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với CAMEX khi Chính phủ đang hướng tới một hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học hơn. Vì vậy, để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được hiệu quả, tuân theo các quy định của pháp luật, CAMEX cần thường xuyên cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp để tránh vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tài chính và hình ảnh của doanh nghiệp.



Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 95/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014 về kinh doanh xăng dầu. Trong đó, Nghị định mới bổ sung được áp dụng từ ngày 02/01/2022 có công thức tính giá cơ sở xăng dầu được xác định từ cơ cấu tỷ trọng gồm cả 2 nguồn xăng dầu nhập khẩu và sản xuất trong nước, thay vì chỉ dựa trên giá nhập khẩu như trước đây. Là Công ty có lĩnh vực kinh doanh bao gồm cả kinh doanh xăng, dầu, Nghị định này cũng sẽ góp phần ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của CAMEX trong tương lai.

CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro kinh doanh đặc thù

Hoạt động kinh doanh của công ty vô cùng đa dạng, do đó không thể tránh khỏi nhiều vấn đề rủi ro trong từng ngành nghề kinh doanh. Trong đó, đối với các lĩnh vực hoạt động chính của chính đem lại doanh thu, Công ty luôn phải xem xét những rủi ro có thể xảy ra ở các lĩnh vực này:



Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu

Nguồn xăng dầu hiện tại ở Việt Nam phần lớn đều là được nhập khẩu. Việc này tạo áp lực không nhỏ lên các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu ở Việt Nam khi nguồn xăng dầu thế giới rất dễ biến động theo tình hình kinh tế chính trị toàn cầu. Qua đó, tác động gián tiếp đến giá xăng dầu trong nước. Đối với tình hình giá xăng dầu tại Việt Nam, chỉ trong 6 tháng đầu năm 2021, giá xăng dầu trong nước đã được điều chỉnh 10 lần khiến giá xăng dầu trong nước tăng đáng kể. Tính đến Quý III/2021, giá xăng dầu tăng 24,8% so với cùng kỳ năm 2020. Ngoài ra, giá nhập khẩu xăng dầu biến động mạnh ngay sau khi dịch bệnh bùng nổ, cụ thể chỉ số giá nhập khẩu xăng dầu các loại trong Quý II tăng 5,42% so với Quý I năm 2021. Biến động tăng giá nhập khẩu và giá mặt hàng hóa này trong nước khiến các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gặp khó khăn trong việc giữ vững nguồn cung và duy trì giá bán phù hợp trên thị trường.

Đối với lĩnh vực bán lẻ hàng hóa

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố mùa vụ trên thị trường. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty có dữ liệu không quá ổn định trong năm, khi vào các ngày lễ, Tết... thì doanh số Công ty có thể tăng đột ngột. Tình trạng này ảnh hưởng đến một khó khăn khác khi hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, bán buôn, đặc biệt là khi buôn bán các mặt hàng công nghệ có thời hạn sử dụng lâu dài, đó là vấn đề quản lý hàng tồn kho của Công ty. Khi các sản phẩm công nghệ trên thị trường liên tục đổi mới và cải tiến sẽ dẫn đến lượng lớn sản phẩm tồn kho cần được xử lý, việc doanh thu số bán không duy trì ổn định có thể khiến doanh nghiệp gặp bất lợi trong việc giảm giá hàng tồn kho và giải quyết các chi phí lưu kho. Chính vì thế, Công ty luôn chuẩn bị những phương án và chính sách hợp lý trong vấn đề phân phối và lưu trữ hàng tồn kho một cách hợp lý, đồng thời đầu tư chiến lược truyền thông để tăng doanh số hàng bán.



Rủi ro cạnh tranh

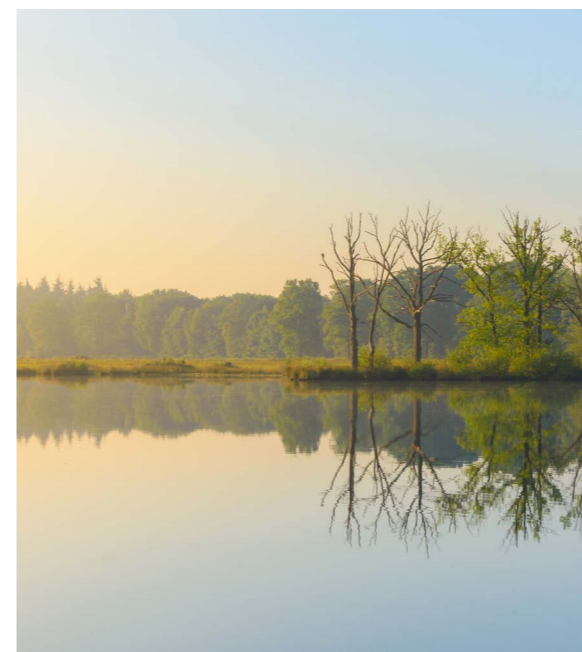


Đối với lĩnh vực hoạt động bán lẻ, Việt Nam vốn là một thị trường tiềm năng đối với các doanh nghiệp nước ngoài, vậy nên đây sẽ là thách thức lớn cho Công ty khi phải cạnh tranh với các doanh nghiệp có lợi thế từ nguồn vốn đến thương hiệu. Ngoài ra, trong khoảng thời gian gần đây, các doanh nghiệp nội bộ trong nước cũng đã dần lớn mạnh và chiếm lĩnh thị trường bán lẻ, các doanh nghiệp này dần phát triển và bao phủ rộng rãi như Vinmart, Masan, Bách hóa xanh,... khiến áp lực cạnh tranh càng tăng cao khi tham gia vào thị trường bán lẻ trong nước.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Công ty phải cạnh tranh với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu lớn mạnh và có thương hiệu uy tín trên thị trường như Petrolimex, Petrovietnam,... các doanh nghiệp này có mạng lưới cửa hàng và hệ thống phân phối dày đặc. Đối với sự cạnh tranh gay gắt trong cả hai lĩnh vực hoạt động chính, Công ty giữ vững mục tiêu và chiến lược mở rộng mạng lưới hoạt động trên địa bàn kinh doanh chính là Cà Mau và các tỉnh lân cận khác. Từ đó tận dụng và khai thác tiềm năng phát triển của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Rủi ro khác

Trong quá trình hoạt động, Công ty rất có thể sẽ gặp phải những rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ... Những trường hợp này tuy rất ít khả năng xảy ra, nhưng khi xảy ra sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình vận hành, hoạt động kinh doanh của Công ty và cả đối với nhân viên của doanh nghiệp. Đối với những tình huống bất khả kháng như trên, Công ty phải liên tục theo dõi tình hình dịch bệnh, diễn biến tình hình thời tiết, thực hiện đầy đủ công tác tuyên truyền và đào tạo, nhằm ứng biến kịp thời và giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp rủi ro xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

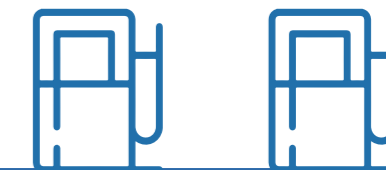
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

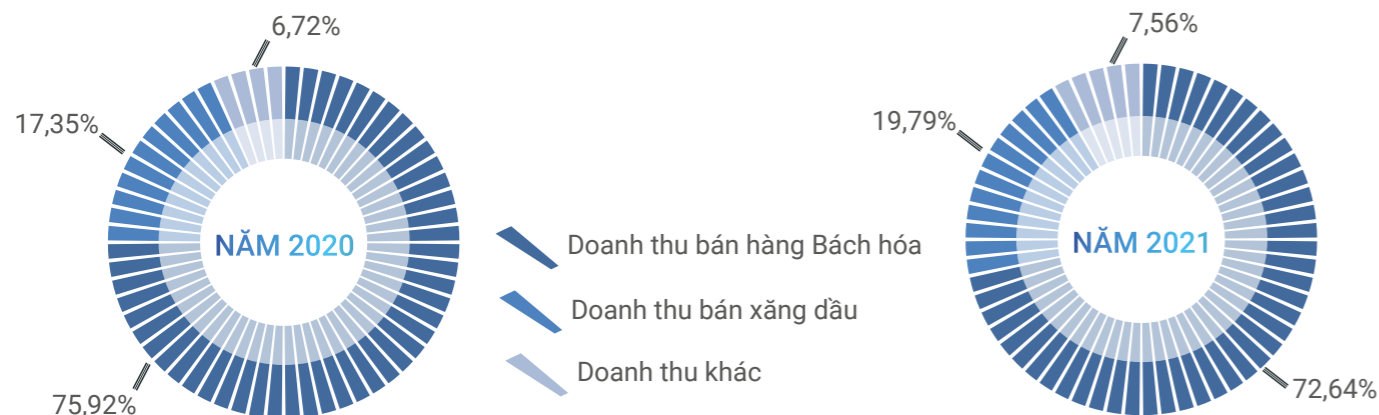


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		%Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng Bách hóa	3.205.518	75,92%	2.805.241	72,64%	-12,49%
Doanh thu bán xăng dầu	732.687	17,35%	764.306	19,79%	4,32%
Doanh thu khác	283.915	6,72%	292.075	7,56%	2,87%
Tổng cộng	4.222.120	100%	3.861.622	100%	-8,54%



Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Kế hoạch 2021	Năm 2021	%TH2021/ KH2021	TH2021/ TH2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.222.120	3.800.000	3.861.622	101,62%	91,46%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	4.293	-	12.703	-	295,90%
3	Lợi nhuận khác	19.769	-	23.130	-	117,00%
4	Lợi nhuận trước thuế	24.062	32.000	35.833	111,98%	148,92%
5	Lợi nhuận sau thuế	18.472	25.600	28.537	111,47%	154,49%

Trong năm 2021, Công ty phải đối mặt với nhiều trở ngại do sự ảnh hưởng toàn cầu của dịch COVID-19. Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm ghi nhận đạt 3.861.622 triệu đồng, giảm 8,54% so với năm 2020. Bán hàng bách hóa vẫn là mảng mang lại nguồn thu lớn cho Công ty khi chiếm đến 72,64% doanh thu. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2020, doanh thu từ bán hàng bách hóa lại giảm 12,49%, trong khi doanh thu bán xăng dầu lại tăng 4,32%. Từ đó thấy được, năm nay, cơ cấu doanh thu đã có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm trước.

Đối với hoạt động bán lẻ hàng hóa

Tình hình dịch bệnh nghiêm trọng trong năm, các lệnh giãn cách được Chính phủ ban hành đã tác động không nhỏ đến việc tiếp cận các sản phẩm của Công ty đến người tiêu dùng. Lượng hàng bán bị trả lại của Công ty ghi nhận tăng 157,21% so với năm trước. Hơn nữa, trong năm Công ty đã dừng việc cung cấp các sản phẩm thuộc ngành hàng của Unilever. Do đó, doanh thu từ mảng bán hàng bách hóa trong năm chỉ đạt 2.813.325 triệu đồng, giảm 12,49% so với cùng kỳ năm 2020. Để khắc phục các khó khăn gặp phải, CAMEX đề ra nhiều kế hoạch nhằm cải thiện doanh thu, lợi nhuận như đẩy mạnh các chiến dịch marketing, tăng độ nhận diện hàng hóa của Công ty đến với khách hàng,

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu

Giữa tình hình xăng dầu biến động trên thế giới, lạm phát tăng cao, CAMEX vẫn giữ được nguồn cung xăng dầu ổn định trong năm nhờ xây dựng chiến lược ứng phó phù hợp trong năm. Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu ghi nhận đạt 764.306 triệu đồng, tăng 4,32% so với cùng kỳ năm trước. Tuy vậy, biến động tình hình xăng dầu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty, giá vốn hàng bán xăng dầu ghi nhận tăng 5,25% trong năm khiến CAMEX gặp khó khăn trong công tác kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Chính các nguyên nhân trên dẫn đến kết quả lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh lĩnh vực này ghi nhận giảm 9,86% so với năm 2020.

Đối mặt với tình hình biến động thị trường khó lường, doanh thu thuần trong hoạt động kinh doanh của Công ty có xu hướng giảm. Tuy vậy, CAMEX vẫn đạt được hiệu quả nhất định trong công tác tiết kiệm chi phí phải trả trong năm 2021. Các chi phí phát sinh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều có xu hướng giảm, trong đó, chi phí bán hàng năm 2021 giảm mạnh 25,71% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, CAMEX cũng tiết giảm chi phí lãi vay giúp lợi nhuận sau thuế trong năm ghi nhận tăng so với cùng kỳ. Qua đó thấy được Công ty đã nhanh chóng xây dựng kế hoạch quản trị hiệu quả nhằm kiểm soát chi phí phát sinh, ứng phó với ảnh hưởng khó lường của tình hình dịch bệnh.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	647.419	3,57%
2	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng	100.000	0,55%
3	Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	108.767	0,6%

Bà NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

Tổng Giám đốc

Ngày sinh	01/12/1956
Nơi sinh	Tỉnh Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 184 Ngô Quyền, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Khoa Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần In Bạc Liêu
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	Cá nhân: 647.419 CP, chiếm 3,57% Vốn điều lệ Đại diện sở hữu: Không

Quá trình công tác

06/1975 – 08/1978	Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau
08/1978 – 11/1982	Kế toán trưởng cửa hàng Bách hóa tổng hợp thị xã Cà Mau
11/1982 – 2007	Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là công ty cổ phần thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó TGD, TGD Công ty)
28/11/2007 - 05/05/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGD Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
05/05/2018 – hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Ông PHÙ CHÍ ANH

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh	23/08/1974
Nơi sinh	Tỉnh Lâm Đồng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	165/16A Nguyễn Thiện Năng, Phường 4, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần In Bạc Liêu
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	Cá nhân: 100.000 CP, chiếm 0,55% Vốn điều lệ Đại diện sở hữu: Không

Quá trình công tác

10/1998 - 02/1999	Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/1998 – 12/2001	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2002 – 01/2007	Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 – 11/2007	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
12/2007 – 12/2012	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
02/01/2013 – hiện nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau
07/09/2016 – hiện nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
20/06/2020 – hiện nay	TV HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

Ông LƯU HOÀNG THỐNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng HC-NS

Ngày sinh	22/12/1976
Nơi sinh	Tỉnh Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Ấp 1, Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	Cá nhân: 108.767 CP, chiếm 0,6% Vốn điều lệ Đại diện sở hữu: Không

Quá trình công tác

10/1998 - 02/1999	Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
03/1999 - 06/1999	Kế toán Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
07/1999 - 03/2000	Kế toán Cửa hàng Điện Máy Cà Mau thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
04/2000 - 03/2003	Cửa hàng phó Cửa hàng Điện Máy Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
04/2003 - 06/2006	Cửa hàng trưởng Cửa hàng Công nghệ thực phẩm Trà Kha thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
07/2006 - 12/2006	Kế toán Phòng Tài chính Kế toán Tin học thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2007 - 8/2007	Phụ trách tổng kho bách hóa thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
9/2007 - 12/2009	Cửa hàng trưởng Cửa hàng Chuyên doanh thuốc lá BAT thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2010 - 03/2013	Trưởng phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
04/2013 - 11/2014	Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
12/2014 - 03/2015	Chủ tịch Công đoàn NK 2012 – 2017 thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau Nhân viên phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
04/2015 – 12/2016	Phó phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2016 - 04/2019	Trưởng phòng HCNS thuộc Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
04/2019 – hiện nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng HC-NS

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi nhiệm
1	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	30/12/2010	07/01/2021



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	586	100%
1	Trình độ đại học	95	16,21%
2	Trình độ cao đẳng	35	5,97%
3	Trình độ trung cấp	72	12,29%
4	Công nhân kỹ thuật	384	65,53%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	586	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn từ 1-3 năm	174	29,69%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	361	61,60%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	51	8,70%
III	Theo giới tính	586	100%
1	Nam	458	78,16%
2	Nữ	128	21,84%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	647	629	619	586
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.300.000	8.000.000	8.000.000	8.500.000

VỀ ĐÀO TẠO

Vấn đề đào tạo Nguồn nhân lực luôn là hoạt động cấp bách hơn bao giờ hết trong quá trình phát triển và đổi mới của nền kinh tế hiện nay. Một chính sách đào tạo hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất hoạt động và phát triển ổn định. Nhằm được vấn đề này, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chú trọng đến kế hoạch và chính sách đào tạo Người lao động.

Các lớp, chương trình đào tạo cho Người lao động được tổ chức hợp lý nhằm tạo điều kiện cho tất cả mọi người có thể tham gia. Chính sách đào tạo của Công ty đề ra tập trung đào tạo nghiệp vụ và đào tạo nội bộ. Qua đó trau dồi thêm khả năng tiếp thị, marketing của nhân viên nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn trong việc cung cấp dịch vụ khách hàng, đây cũng là giá trị cốt lõi trong quá trình làm việc của nhân viên.

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Bên cạnh các chính sách đào tạo và chế độ làm việc thì môi trường khi làm việc cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển khả năng và sự nghiệp của người lao động. Công ty không chỉ chú trọng đào tạo kỹ năng mà còn quan tâm đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Cán bộ công nhân viên luôn làm việc trong Công ty với ý thức **"Văn minh, văn hóa thương nghiệp"**, từ đó tạo nên một nét riêng trong văn hóa ứng xử và để lại dấu ấn Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Không chỉ đảm bảo văn hóa ứng xử trong giao tiếp, phục vụ khách hàng và đối tác, Công ty cũng luôn ưu tiên xây dựng môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và gắn kết giữa các nhân viên trong Công ty. Để có thể đảm bảo một môi trường văn minh và văn hóa, Công ty chú trọng xây dựng các nội quy, quy chế về phong cách, thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp trong nội bộ cũng như với đối tác, khách hàng trên tiêu chí thân thiện, tôn trọng, đoàn kết.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Chính sách đãi ngộ của Công ty luôn linh hoạt thay đổi thay từng thời kỳ, song vẫn giữ vững tính minh bạch, rõ ràng và thưởng tương xứng với công sức của người lao động nhằm có thể khuyến khích tinh thần làm việc hăng say cũng như nâng cao năng suất của Người lao động. Đồng thời, để đảm bảo lợi ích về mặt tinh thần cho Người lao động, Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những yêu cầu và nguyện vọng của tất cả nhân viên, từ đó phối hợp với công đoàn tiếp ứng, hỗ trợ cho những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn nhằm có thể giúp nhân viên an tâm lao động, công tác.

Bên cạnh đó, chính sách trả lương thưởng của Công ty luôn được đảm bảo thực hiện đầy đủ và minh bạch cho nhân viên theo đúng quy định của Nhà nước. Những người lao động khi tham gia vào Công ty đều được kí kết Hợp đồng lao động và hưởng những chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật việc làm. Đồng thời đáp ứng và giải quyết các chế độ phù hợp đối với các vấn đề nghỉ thai sản, ốm đau và các kỳ khám sức khỏe cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện các chế độ thưởng lương làm việc tháng thứ 13 cho nhân viên; thưởng tăng ca; thưởng đột xuất và thưởng cho các sáng kiến, đóng góp cải tiến kỹ thuật cho người lao động. Cũng như thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài trời, các buổi văn nghệ; tổ chức tham quan du lịch trong những ngày nghỉ và ngày lễ nhằm giúp nhân viên giải tỏa áp lực, thư giãn và tăng thêm tinh thần làm việc.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Các công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MTV BÁCH VIỆT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	TH năm 2021	% TH2021/TH2020
1	Tổng tài sản	55.231	49.527	111,52%
2	Doanh thu thuần	396.272	417.116	95,00%
3	Giá vốn hàng bán	381.259	400.716	95,14%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	606	354	171,19%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	14.003	15.417	90,83%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.616	1.337	120,87%
7	Lợi nhuận khác	2.567	2.592	99,04%
8	Lợi nhuận trước thuế	4.183	3.929	106,46%
9	Lợi nhuận sau thuế	3.283	3.138	104,62%

CÔNG TY CỔ PHẦN IN BẠC LIÊU

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	TH năm 2021	% TH2021/TH2020
1	Tổng tài sản	24.030	25.893	92,81%
2	Doanh thu thuần	26.896	25.893	103,87%
3	Giá vốn hàng bán	19.803	19.543	101,33%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	397	376	105,59%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	4.366	4.009	108,90%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.124	2.717	114,98%
7	Lợi nhuận khác	37	-97	-38,14%
8	Lợi nhuận trước thuế	3.161	2.620	120,65%
9	Lợi nhuận sau thuế	2.702	2.090	129,28%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

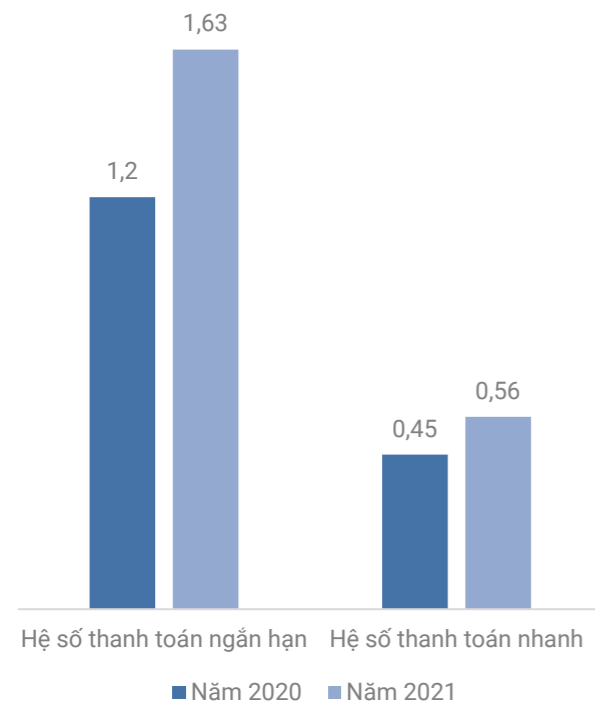
STT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	% TH2021/KH2021	% TH2021/TH2020
1	Tổng doanh thu	4.222.120	3.800.000	3.861.622	101,62%	-8,54%
2	Doanh thu bán hàng Bách hóa	3.205.518	-	2.805.241	-	-12,49%
3	Doanh thu bán xăng, dầu	732.687	-	764.306	-	4,32%
4	Doanh thu khác	283.915	-	292.075	-	2,87%
5	Lợi nhuận khác	19.769	-	23.129	-	17,00%
6	Lợi nhuận trước thuế	24.062	32.000	35.833	111,98%	48,92%
7	Lợi nhuận sau thuế	18.472	25.600	28.537	111,47%	54,49%
8	Tỷ lệ cổ tức/ VDL	15%	12%	12%	100%	80%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,20	1,63
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,45	0,56
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67,34	46,88
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	206,19	88,27
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,67	13,64
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	6,31	7,16
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,44	0,74
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,73	12,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,76	5,29
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,10	0,33

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

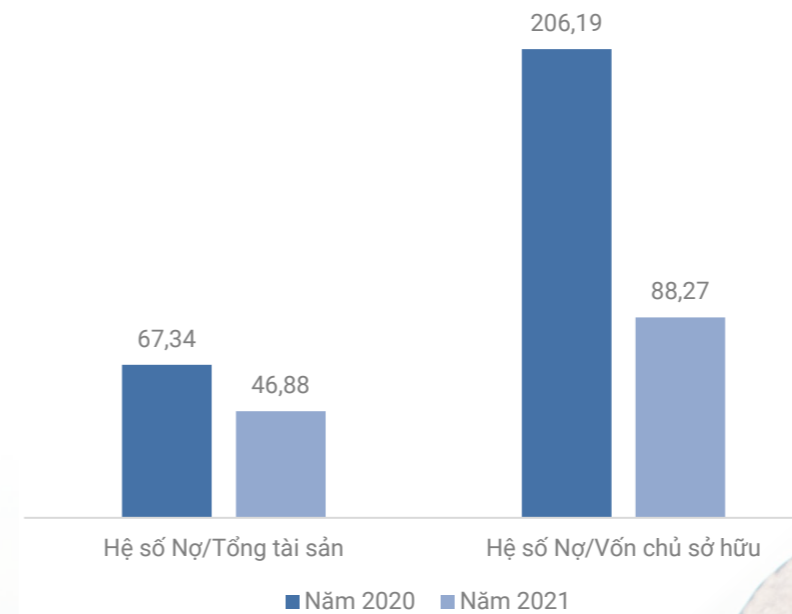
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Nhìn chung, các hệ số thể hiện khả năng thanh toán của Công ty đều có xu hướng tăng. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng lần lượt 0,43 lần và 0,11 lần trong năm 2021. Mức tăng của các hệ số chủ yếu đến từ biến động giảm 45,64% của nợ ngắn hạn Công ty, Trong năm 2021, CAMEX đã tiến hành thanh toán các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương -CN Cà Mau với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Đồng thời, CAMEX cũng đã nhanh chóng chi trả các khoản phải trả người bán; trong đó bao gồm công tác hoàn tất khoản nợ 22.657 triệu đồng của Công ty TNHH TM & DV Long Hưng. Ngoài ra, trong năm 2021, CAMEX dừng phân phối ngành hàng Unilever nên các khoản nợ từ Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam đều được thanh toán hết với giá trị 10.664 triệu đồng, qua đó tác động giảm đến nợ ngắn hạn của Công ty. Từ đó góp phần tăng tính thanh khoản trong hoạt động của CAMEX.

Bên cạnh đó, biến động hàng tồn kho giảm 22,95% cũng góp phần ảnh hưởng đến các hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty. Đối mặt với tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát trở lại, các lệnh giãn cách xã hội khiến nhu cầu của người tiêu dùng giảm mạnh gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhận thấy ảnh hưởng từ sự biến động này, CAMEX đã điều chỉnh lại lượng hàng tồn kho nhằm tránh ứ đọng hàng hóa và đảm bảo chất lượng sản phẩm trong hoạt động kinh doanh năm 2021. Từ đó thấy được hiệu quả trong chiến lược ứng phó biến động thị trường của Ban lãnh đạo Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

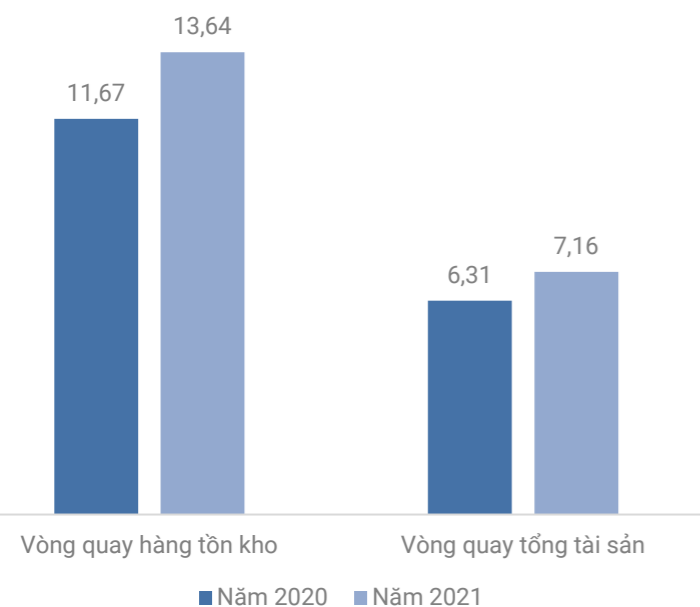


Trong năm, các hệ số thể hiện cơ cấu vốn đều có xu hướng giảm. Chi tiết, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm lần lượt 20,46% và 117,92%. Nhân tố gây ảnh hưởng nhiều nhất đến biến động của các hệ số là sự sụt giảm 45,64% trong khoản nợ phải trả của Công ty, đây là kết quả từ việc CAMEX tiến hành thanh toán các khoản vay tài chính ngắn hạn ngân hàng trong năm. Ngoài ra, sự tăng thêm của vốn chủ sở hữu cũng góp phần tác động đến tình hình cơ cấu vốn của Công ty. Cụ thể, CAMEX đã tăng vốn điều lệ từ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 60.520 triệu đồng, tương đương tăng 50% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là nguồn vốn được CAMEX dùng để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Qua đó thấy được CAMEX đã và đang xây dựng chiến lược gia tăng năng lực tài chính và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

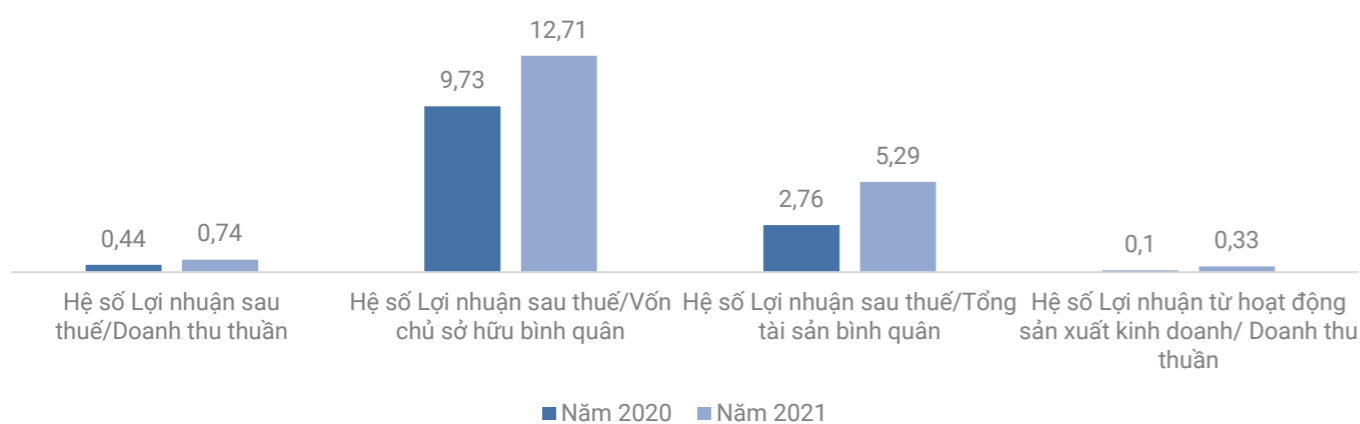
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Các hệ số đánh giá năng lực hoạt động của Công ty đều tăng nhẹ trong năm 2021, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty đều có xu hướng tăng, lần lượt đạt 13,64 vòng và 7,16 vòng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá vốn hàng bán và doanh thu thuần đều giảm, Công ty gặp trở ngại trong hoạt động kinh doanh vì tình hình dịch bệnh và chính sách giãn cách của Chính phủ trong năm. Tuy vậy, khoản hàng tồn kho bình quân và tổng tài sản của Công ty giảm nhiều hơn đáng kể khiến các chỉ số vòng quay có biến động tăng. Trong đó, giá trị khoản phải thu nhóm khách hàng Bách hóa giảm 47,05% so với cùng kỳ năm trước qua việc Công ty tiến hành công tác thu hồi các khoản phải thu trong năm. Song

song với việc xây dựng và thực hiện chính sách thu hồi công nợ hiệu quả, CAMEX cũng tiến hành đánh giá tình hình thị trường, từ đó giảm lượng hàng hóa nhập kho, sản phẩm tồn kho trong năm. Có thể thấy trong năm Ban lãnh đạo CAMEX đã nỗ lực trong quá trình ứng phó với tình hình biến động thị trường do dịch bệnh COVID-19 và xây dựng chiến lược quản trị hiệu quả đem lại lợi nhuận cho Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

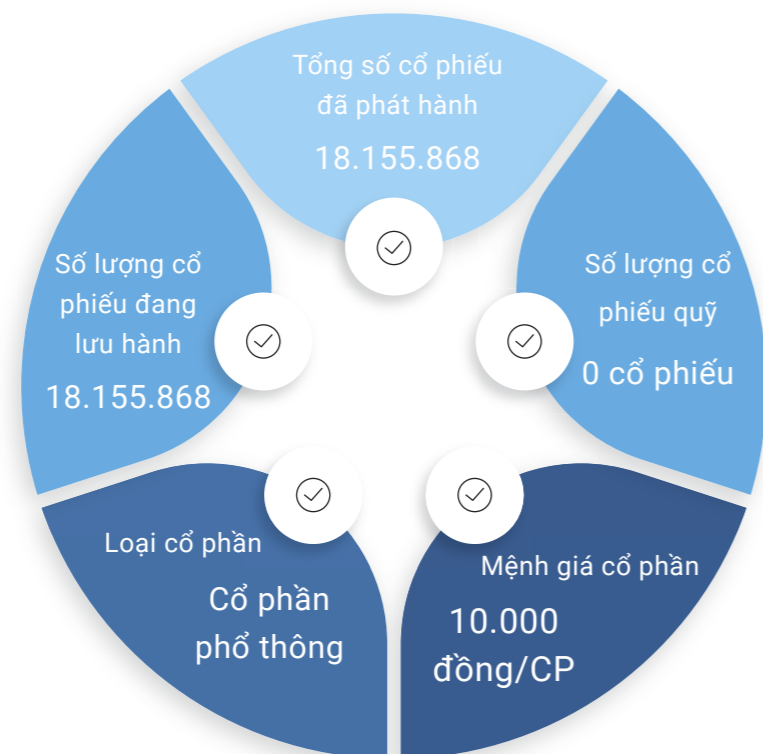


Trong năm, các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty đều có xu hướng tăng mạnh. Cụ thể, các hệ số ROS, ROE, ROA tăng lần lượt 0,3%, 2,98% và 2,53% so với cùng kỳ năm trước. Tuy phải đối mặt với tình hình dịch bệnh khó lường, CAMEX vẫn đưa ra kế hoạch kiểm soát chi phí kịp thời, kế hoạch bán hàng linh hoạt và hợp lý, qua đó góp phần đưa khoản lợi nhuận sau thuế thu được tăng 54,49% so với năm 2020. Có thể thấy Ban lãnh đạo CAMEX đã đưa ra những quyết định kịp thời, thực hành tiết kiệm chi phí hiệu quả, qua đó cải thiện chính sách quản trị của Công ty nhằm tăng lợi nhuận thu được cùng với mức chi phí phù hợp.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	634	18.120.380	181.203.800.000	99,80%
1	Cổ đông Nhà nước	1	2.936.024	29.360.240.000	16,17%
2	Cổ đông cá nhân	615	5.173.189	51.731.890.000	28,49%
3	Cổ đông tổ chức	18	10.011.167	100.111.670.000	55,14%
II	Cổ đông nước ngoài	10	35.488	354.880.000	0,20%
1	Cá nhân	6	7.283	72.830.000	0,04%
2	Tổ chức	4	28.205	282.050.000	0,16%
	Tổng cộng	644	18.155.868	181.558.680.000	100,00%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 0% (*)

(*) Theo Công văn số 8752/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ngày 21/12/2021 của UBCKNN.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty đã trải qua những đợt tăng vốn như sau:

STT	Thời điểm tăng vốn	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
1	2009	1.049.986	80.499.860.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	UBCKNN
2	2010	1.529.352	95.793.380.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%	UBCKNN
3	2011	1.628.257	112.075.950.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	UBCKNN
4	2012	896.317	121.039.120.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%	UBCKNN
5	2021	6.051.956	181.558.680.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng với tỷ lệ phát hành 2:1	UBCKNN

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là công ty hoạt động trong lĩnh vực bán buôn và bán lẻ hàng hóa. Công ty không tập trung vào sản xuất, do đó các hoạt động kinh doanh chính của Công ty phần lớn đều không gây phát thải khí nhà kính hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty cũng không thể tránh khỏi việc một số loại khí độc hại được phát thải ra bên ngoài một cách gián tiếp và vô tình gây ảnh hưởng đến tình trạng nóng lên toàn cầu.

Tác động của hoạt động Công ty đến môi trường phần lớn đều là tác động gián tiếp. Trong quá trình vận chuyển và lưu trữ nguyên vật liệu, việc sử dụng các thiết bị vận chuyển là vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, khi các phương tiện như xe tải, ô tô... sử dụng động cơ đốt với xăng hoặc dầu diesel được vận hành sẽ phát thải lượng lớn khí CO₂ ra môi trường. Ngoài ra, tại các chi nhánh, văn phòng bán buôn bán lẻ của Công ty, việc sử dụng điện năng từ các nhà máy sản xuất điện cũng gián tiếp phát thải các khí CO₂, CH₄, NO ra môi trường.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Để có thể giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty luôn xây dựng các kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu một cách hợp lý, tránh tốn kém năng lượng và khí nhà kính phát thải. Đồng thời, Công ty tích cực hưởng ứng và tổ chức các chương trình, các buổi đào tạo cũng như phong trào về vấn đề hạn chế sử dụng điện năng nhằm góp phần giảm tình trạng phát thải khí nhà kính tại nhiều khu vực hoạt động kinh doanh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm, Công ty không có trường hợp nào bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tại CAMEX, Công ty luôn giữ vững phương châm ưu tiên chất lượng sản phẩm vì người tiêu dùng. Do vậy, nguồn nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào luôn được xem xét, lựa chọn kỹ lưỡng qua nhiều khâu nhằm đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng. Đồng thời, Công ty luôn tạo nhiều mối quan hệ đối với các nhà cung cấp uy tín, qua đó hợp tác đem lại nhiều sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, thành phẩm và cả về mặt đa dạng hóa để có thể giúp người tiêu dùng có nhiều lựa chọn hơn khi sử dụng sản phẩm từ CAMEX.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đặc biệt chú trọng công tác lưu trữ hàng tồn kho. Các sản phẩm, hàng hóa khi được lưu trữ tại kho luôn được đảm bảo trong tình trạng tốt nhất, các công tác bảo vệ hàng hóa và đảm bảo không gian lưu trữ luôn được tuân thủ nghiêm ngặt nhằm có thể đưa đến sản phẩm với chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Hiện nay, định mức tiêu thụ ở Việt Nam đang dần tăng cao trong quá trình phát triển công nghiệp hóa. Đây là vấn đề luôn được lưu tâm đối với các doanh nghiệp kể cả CAMEX, do đó Công ty luôn chú ý xây dựng các kế hoạch sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm và góp phần bảo vệ môi trường. Năng lượng tiêu thụ tại Công ty chủ yếu từ các khu vực chi nhánh, cửa hàng bán lẻ và bán buôn, do vậy Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm mức năng lượng tiêu thụ bằng cách xem xét thay đổi các thiết bị cũ, sử dụng các thiết bị mới tiết kiệm năng lượng nhưng với hiệu suất cao hơn. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức đào tạo, luôn nhắc nhở người lao động, cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng điện hợp lý; hưởng ứng, ủng hộ các phong trào bảo vệ môi trường như Giờ Trái Đất, phong trào kêu gọi tiết kiệm năng lượng, ...

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty hoạt động trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, nơi chịu ảnh hưởng lớn bởi tình trạng nước ngập mặn, do đó nguồn nước tinh khiết có thể sử dụng ở khu vực này là vô cùng quý giá. Bên cạnh đó, việc tiết kiệm nguồn nước không chỉ bảo vệ nguồn nước sử dụng mà còn góp phần bảo vệ môi trường, tránh tình trạng suy kiệt tài nguyên. Nắm được tầm quan trọng của vấn đề này, Công ty thực hiện đào tạo, tuyên truyền và liên tục nhắc nhở các nhân viên trong việc sử dụng hợp lý nguồn nước nhằm nâng cao ý thức và kiến thức người lao động trong vấn đề này. Đồng thời, Công ty đầu tư thêm các thiết bị mới như sử dụng thiết bị, hệ thống van nước có vòi chảy nước chậm; sử dụng vòi rửa tay nhấn hơi – tự ngắt nước,... qua đó hạn chế việc sử dụng nước quá mức trong quá trình làm việc và hoạt động.

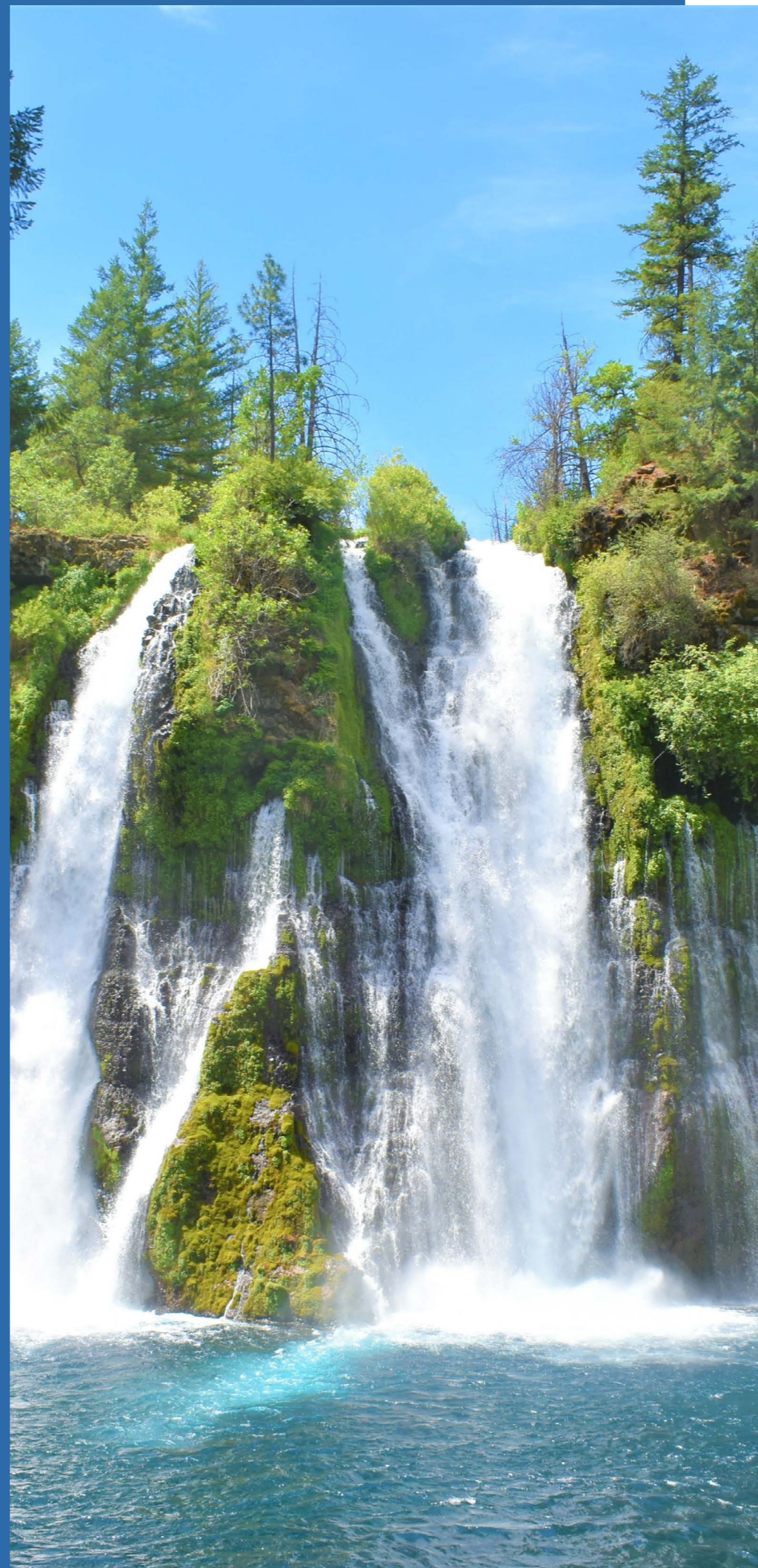
BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hàng năm, Công ty luôn trích ra một phần ngân sách dành cho các chương trình, công tác xã hội hỗ trợ cộng đồng. Công ty tích cực tham gia, thực hiện các chương trình chăm sóc, hỗ trợ các hộ gia đình, người dân địa phương gặp khó khăn; tổ chức các chuyến đi thăm và đóng góp hỗ trợ cho các mái ấm tình thương, viện dưỡng lão,...

Ngoài ra, Công ty còn đồng hành cùng người dân trong quá trình kêu gọi sự hỗ trợ từ chính quyền, hỗ trợ một phần cải tạo cơ sở hạ tầng tại các địa bàn hoạt động. Qua đó góp phần cải thiện chất lượng giao thông của người dân, cũng như gia tăng sự thuận tiện trong việc vận chuyển hàng hóa của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, CAMEX rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về chính sách lương thưởng đối với người lao động

Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ và minh bạch trong chế độ trả lương cho nhân viên theo đúng quy định của Nhà nước. Phần lương của nhân viên được xem xét phù hợp với tính chất, ngành nghề lao động và năng lực của từng người. Chính sách trả lương này của Công ty được xây dựng gắn liền với hiệu suất và chất lượng công việc của người lao động, nhân viên được xem xét thưởng thêm cùng với sự gia tăng trong hiệu quả lao động. Từ đó có thể đảm bảo nhân viên của Công ty nhận được khoản thù lao xứng đáng với năng lực làm việc.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách của Công ty luôn ưu tiên lợi ích dành cho cán bộ công nhân viên, các nhân viên ký hợp đồng với Công ty đều được hưởng những chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội; Luật việc làm. Ngoài các chính sách bảo đảm quyền lợi và sức khỏe cho người lao động, Công ty có các phúc lợi khác về vấn đề hỗ trợ chi chí, các chế độ về khen thưởng và phụ cấp cho nhân viên.

Hoạt động đào tạo người lao động

Các hoạt động đào tạo tại Công ty luôn được tổ chức thường xuyên và tập trung đào tạo về các kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực bán hàng, marketing... nhằm nâng cao dịch vụ tại các cửa hàng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp với chuyên môn và kế hoạch phát triển của mỗi nhân viên, luôn đồng hành và tạo điều kiện cho các nhân viên trong Công ty phát triển lĩnh vực của riêng mình.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, Công ty đã cho thấy những nỗ lực nhất định khi đối phó với diễn biến phức tạp của thị trường. Cụ thể, điều này được thể hiện qua số liệu doanh thu của Công ty, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cả năm đạt giá trị 3.861.622 triệu đồng. Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 35.833 triệu đồng và 28.537 triệu đồng. Công ty đã phải suy xét về chiến lược hoạt động rất nhiều để có thể tận dụng tối ưu uy tín và vị thế thương hiệu của Công ty, từ đó đạt được kết quả như hiện tại.

Đối với lĩnh vực bách hóa

Vốn là một công ty hoạt động lâu đời tại địa bàn tỉnh Cà Mau và Đồng bằng Sông Cửu Long, CAMEX có lợi thế rất lớn trong việc nắm bắt xu hướng và sở thích tiêu dùng của người tiêu dùng ở khu vực này. Tận dụng ưu thế này, Công ty tập trung duy trì mạng lưới cửa hàng bách hóa tại khu vực hoạt động kinh doanh chủ chốt. Công ty cũng đã rất linh hoạt, phản ứng nhanh trong vấn đề quản lý và lưu trữ nguyên vật liệu, hàng tồn kho, cải thiện biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

Đồng thời, Công ty cũng đẩy mạnh phương hướng hợp tác thương mại nhằm tạo sự đa dạng và đầy đủ đối với nguồn cung dành cho người tiêu dùng trong khu vực, hướng kinh doanh này không chỉ giúp đời sống người dân được cải thiện, hoạt động kinh tế trở nên nhộn nhịp hơn, mà còn có lợi ích giữ vững mức tiêu thụ hàng hóa trên địa bàn kinh doanh.

Tuy nhiên, đối mặt với thị trường biến động trong năm thì các doanh nghiệp cạnh tranh cũng dần đẩy mạnh các chiến lược marketing, nhằm gây sự chú ý đến người tiêu dùng. Vì vậy, Công ty đẩy mạnh các chiến lược phát triển sản phẩm và quảng bá đến người tiêu dùng nhằm giữ vững thị phần tại các địa phương.

Bên cạnh đó, với diễn biến tiêu cực trên thị trường, không chỉ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của CAMEX mà các doanh nghiệp là đối tác của Công ty cũng bị tác động tương tự. Theo đó, một số doanh nghiệp đối tác quyết định ứng phó với các khó khăn bằng cách tiết giảm chi phí như giảm mức chiết khấu, hoa hồng, Điều này khiến Công ty gặp khá nhiều bất lợi trong vấn đề quản lý chi phí đầu vào.



Đối với lĩnh vực xăng dầu

Giá bán lẻ xăng dầu trong nước tăng khoảng 40% so với đầu năm do áp lực từ giá xăng dầu thế giới. Nhận biết được các rủi ro có thể xảy ra, Công ty đã xây dựng chiến lược ứng phó hợp lý và giữ được nguồn cung ổn định trong năm.

Trước đó, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 95/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014 về kinh doanh xăng dầu. Trong đó, Nghị định mới bổ sung công thức tính giá cơ sở xăng dầu được xác định từ cơ cấu tỷ trọng gồm cả 2 nguồn xăng dầu nhập khẩu và sản xuất trong nước, thay vì chỉ dựa trên giá nhập khẩu như trước đây. Nghị định này được áp dụng từ ngày 2/1/2022, theo đó giá bán lẻ xăng, dầu sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn, thay vì chỉ dựa vào đà tăng của thế giới.

Tuy nhiên, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu lớn mạnh và có thương hiệu uy tín như Petrolimex, Petrovietnam,... các doanh nghiệp này đang dần mở rộng mạng lưới phân phối trên thị trường.

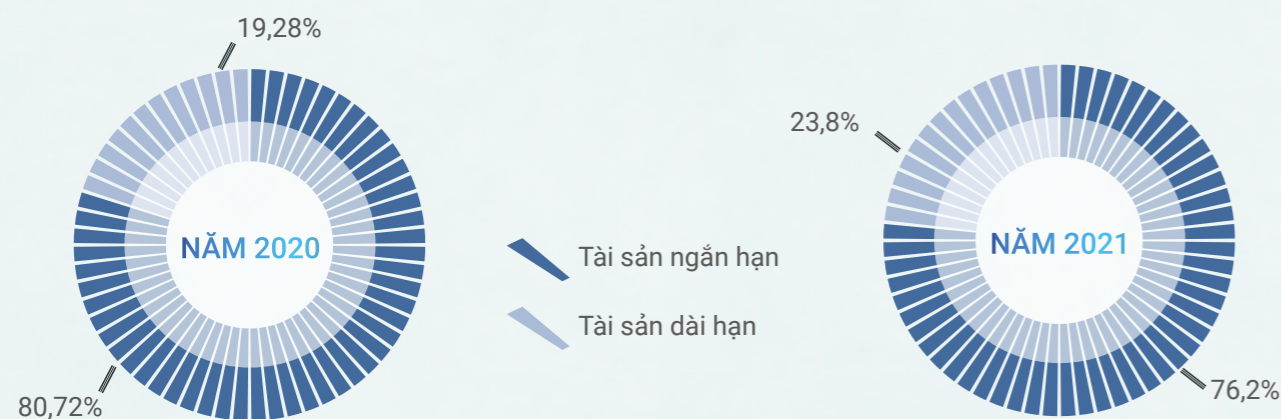
Ảnh hưởng của dịch bệnh và chính sách giãn cách xã hội của chính phủ trong năm đã khiến chuỗi cung ứng của quá trình hoạt động kinh doanh Công ty bị gián đoạn, gây trở ngại đối với tình hình lưu thông hàng hóa, tình hình vận tải giữa các khu vực,... Điều này ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch kết quả kinh doanh và doanh số tiêu thụ của Công ty trong năm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	488.886	80,72%	360.315	76,20%	-26,30%
Tài sản dài hạn	116.767	19,28%	112.538	23,80%	-3,62%
Tổng tài sản	605.653	100%	472.853	100%	-21,93%



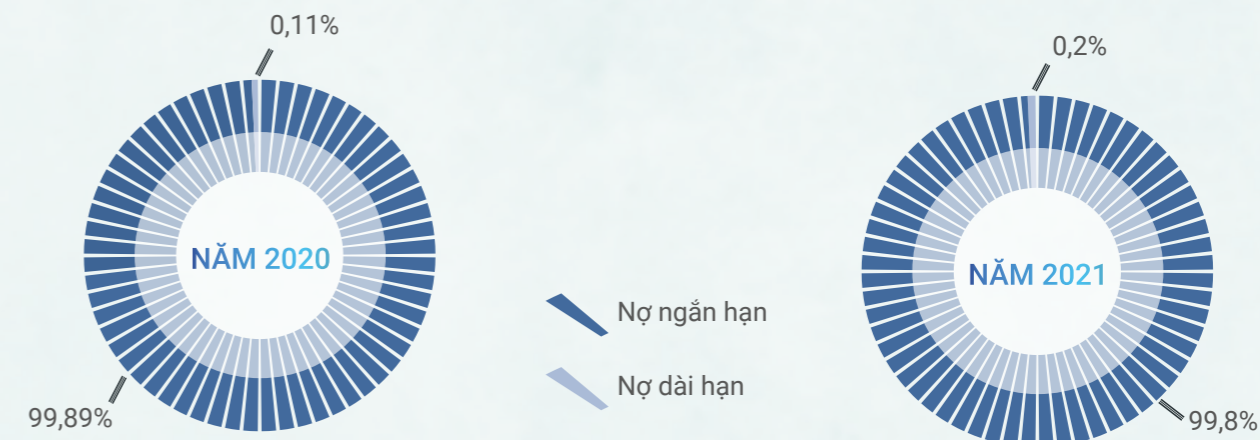
Tại thời điểm 31/12/2021, tài sản ngắn hạn ghi nhận đạt 360.315 triệu đồng, tài sản dài hạn đạt 112.538 triệu đồng, hai khoản mục lần lượt đạt 76,2% và 23,8% trong cơ cấu tài sản Công ty. Trong đó, tài sản ngắn hạn là nguyên nhân chính tác động đến biến động giảm tổng tài sản của Công ty. CAMEX tiến hành thu hồi các khoản nợ của nhóm khách hàng Bách hóa trong năm, đồng thời điều chỉnh giảm nhập hàng hóa tồn kho, qua đó tác động đến giá trị tổng tài sản khiến khoản mục ghi nhận giảm 26,3% so với cùng kỳ năm trước đó.

Bên cạnh đó, tài sản dài hạn của Công ty cũng được ghi nhận giảm nhẹ 3,62% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu đến từ khoản khấu hao kiến trúc, máy móc và phương tiện vận chuyển trong tài sản cố định của Công ty.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	407.401	99,89%	221.242	99,80%	-45,69%
Nợ dài hạn	450	0,11%	450	0,20%	-
Tổng nợ phải trả	407.851	100%	221.692	100%	-45,64%



Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng nợ phải trả ghi nhận đạt 221.692 triệu đồng, giảm 45,64% so với cùng kỳ năm 2020. Trong khi nợ dài hạn chiếm 0,2% với giá trị 450 triệu đồng, duy trì ổn định so với năm 2020, nợ ngắn hạn đạt 221.242 triệu đồng, chiếm 99,8% tỷ trọng trong cơ cấu nợ và giảm 45,69% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng trong năm. Đây là những khoản vay được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, Công ty đã đạt được hiệu quả nhất định trong quá trình quản lý và sử dụng nguồn vốn, từ đó đem lại lợi nhuận, góp phần thúc đẩy tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của CAMEX.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Để có thể phát huy hết tiềm năng, thế mạnh và năng lực của Công ty, Ban lãnh đạo đã tiến hành cải tiến và thay đổi về các chính sách, cơ cấu tổ chức và chiến lược, kế hoạch hoạt động.

Về cơ cấu tổ chức

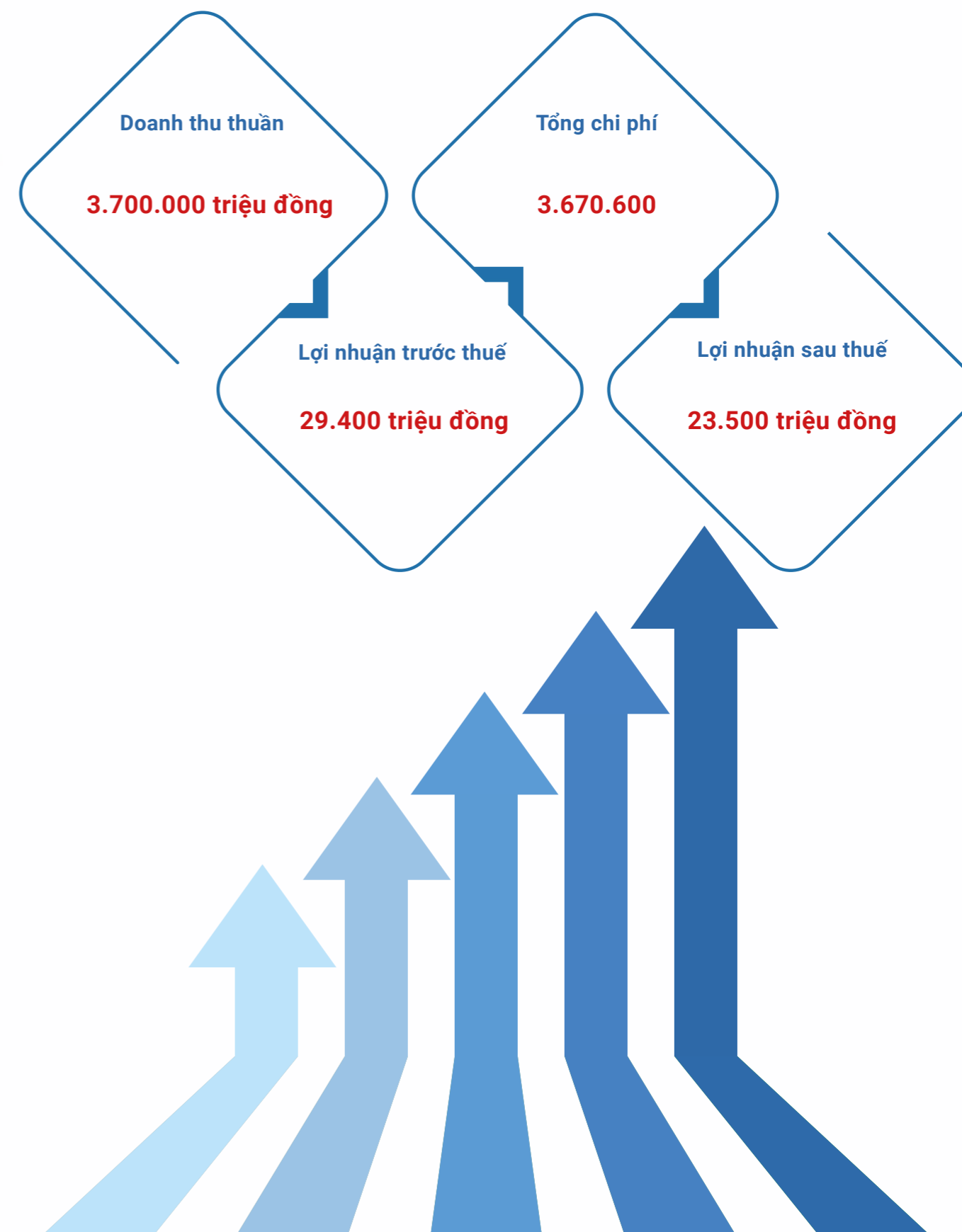
- Bổ sung 1 (một) thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ III (2018-2022) vào ngày 30/06/2021.
- Quyết định thông qua đơn từ nhiệm của Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty có hiệu lực từ ngày 31/03/2021.

Về công tác quản lý sản xuất kinh doanh

- Đẩy mạnh hoạt động bán hàng nhằm duy trì thị phần của mình ở địa bàn kinh doanh truyền thống là Cà Mau và khu vực đồng bằng Sông Cửu Long.
- Xây dựng kế hoạch lưu trữ hàng tồn kho hợp lý dựa vào nghiên cứu tình hình và diễn biến trên thị trường.
- Tiến hành đầu tư, sửa chữa, tái cơ cấu các kho chứa, kho lưu trữ; áp dụng nhiều kỹ thuật hiện đại nhằm đảm bảo môi trường và điều kiện lưu trữ hàng hóa; tối ưu nguồn chi phí cần phải sử dụng đáp ứng nguồn cung hàng hóa ra thị trường.
- Công ty tiếp tục kế hoạch xây dựng và sửa chữa cụm Xăng dầu – Bách hóa Cái Nai sau khi hoàn thành dự án Tổng kho bách hóa – Cửa hàng xăng dầu Năm Căn theo kế hoạch đề ra.
- Xem xét và đưa ra quyết định đóng cửa một số các chi nhánh và cửa hàng không đem lại kết quả kinh doanh khả quan cho Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, tổng quan tình hình hoạt động có tính khả quan cao hơn so với năm 2020. Qua quá trình nỗ lực ứng phó và đầu tư chiến lược kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được những chỉ tiêu kinh doanh nhất định.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	TH 2021/ KH 2021	TH 2021/ TH 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.222.120	3.800.000	3.861.507	101,62%	91,46%
2	Lợi nhuận trước thuế	24.062	32.000	35.832	111,98%	148,92%
3	Lợi nhuận sau thuế	17.256	25.600	28.536	111,47%	165,37%

Quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phải chịu ảnh hưởng về nhiều mặt:

- ◇ Mức độ cạnh tranh trên thị trường tăng cao giữa các doanh nghiệp kinh doanh bách hóa, các doanh nghiệp hợp tác cung cấp hàng hóa liên tục tiến hành giảm hạn mức chiết khấu đối với Công ty.
- ◇ Tiến hành đầu tư vay vốn và thế chấp ngân hàng trong thời điểm lãi suất ngân hàng ổn định, tuy nhiên dự đoán xu hướng lãi suất tăng nhẹ cũng phần nào tạo áp lực vay vốn, thế chấp cho Công ty.
- ◇ Giá xăng dầu trên thế giới và trong nước biến động thất thường khiến Công ty phải liên tục điều chỉnh kế hoạch kinh doanh xăng dầu, giữ vững nguồn cung trên thị trường.

Ngoài ra, khi xem xét đến kết quả kinh doanh của Công ty có thể thấy lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 111,98% và 111,47% so với kế hoạch được Hội đồng quản trị đề ra là đạt 32.000 triệu đồng và 25.600 triệu đồng. Đồng thời, doanh thu thuần trong năm giảm nhẹ do Công ty dừng phân phối ngành hàng Unilever. Hướng tới kết quả khả quan cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã đưa ra các chính sách liên

quan, các chiến lược ứng phó kịp thời nhằm ổn định và phát triển hoạt động bán hàng, mạnh dạn tiến hành đóng và chuyển đổi một số các ngành hàng, một số chi nhánh không phù hợp; thanh lý ngành hàng, sản phẩm không đạt hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, Công ty cũng tiến hành mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh, thành lập thêm một số các cửa hàng bán lẻ trên khu vực địa bàn tỉnh Cà Mau.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc luôn quan tâm đến công tác nâng cao nhận thức **“Văn minh văn hóa thương nghiệp”**, tạo môi trường làm việc thân thiện với đội ngũ nhân viên có phong thái đúng mực, văn hóa trên tiêu chí cư xử tôn trọng và đoàn kết. Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với lực lượng lao động, đảm bảo lợi ích của nhân viên đối với chính sách trả lương, đào tạo, cũng như trong hợp đồng lao động nhằm thúc đẩy và ổn định hiệu suất làm việc của nguồn lao động trong Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị Công ty luôn chú trọng trong việc giám sát và theo dõi hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, Hội đồng quản trị triển khai các công tác kiểm tra và đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- ◊ Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, các chiến lược kinh doanh và công tác thực hiện kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo Ban Tổng Giám đốc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch và chiến lược kinh doanh đã được Hội đồng quản trị đề ra.
- ◊ Giám sát và chỉ đạo công tác công bố thông tin, đảm bảo tính minh bạch trong công cuộc công bố tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Qua đó giúp các cổ đông và nhà đầu tư giám sát, theo dõi hiệu quả tình hình hoạt động doanh nghiệp.
- ◊ Theo dõi chặt chẽ, tăng cường đầu tư cho bộ phận nghiên cứu và phát triển, đẩy mạnh công tác áp dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động kinh doanh của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty đã và đang dần thích ứng, cũng như thận trọng hơn trong công tác ứng phó với những khó khăn có thể gặp phải trong quá trình hoạt động, nhờ đó Công ty đã có thể đạt được kết quả khả quan trong 2021. Ghi nhận những kết quả này, Hội đồng quản trị đưa ra mục tiêu hoạt động cho năm 2022 cụ thể là:

- Vốn chủ sở hữu: 250.000 triệu đồng
- Doanh thu thuần: 3.700.000 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 23.500 triệu đồng

Với mục đích đạt được những chỉ tiêu đề ra, Hội đồng quản trị đưa ra định hướng phát triển cho Công ty bám sát những mục tiêu được giao phó của Đại hội đồng cổ đông:

- » Cơ cấu, đánh giá lại các ngành hàng và sản phẩm kinh doanh; đầu tư chiến lược kinh doanh hàng hóa đa dạng.
- » Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện các dự án còn dang dở tại các khu vực Cái Nai và Năm Căn.
- » Duy trì và phát triển chất lượng quy trình quản lý hệ thống kho bãi; chú trọng công tác quản lý, lưu trữ hàng tồn kho; đảm bảo nguồn cung hàng hóa, dịch vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như lợi nhuận của Công ty.
- » Xây dựng chính sách buôn bán hàng hóa phù hợp với xu hướng, giữ vững vị trí của Công ty trên thị trường; cải tiến chiến lược kinh doanh hàng hóa, chính sách chiết khấu dành cho khách hàng, chiến lược đầu tư cơ sở vật chất các cửa hàng của Công ty.
- » Cải tiến chính sách điều hành và chính sách quản lý Công ty, chính sách hỗ trợ người lao động; đầu tư cơ sở vật chất, duy trì văn hóa đoàn kết trong môi trường làm việc, đảm bảo chất lượng và hiệu quả dịch vụ lao động trong Công ty.
- » Chú trọng trong công tác tìm kiếm và đánh giá các mối quan hệ với đối tác Công ty, xây dựng mối liên kết hợp tác hữu nghị và kinh doanh hiệu quả.
- » Thành lập một số cửa hàng bán lẻ nhằm mở rộng thị trường kinh doanh, cụ thể như: Cửa hàng Bách hóa số 09, Cửa hàng Bách hóa Bến Tàu A,...

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

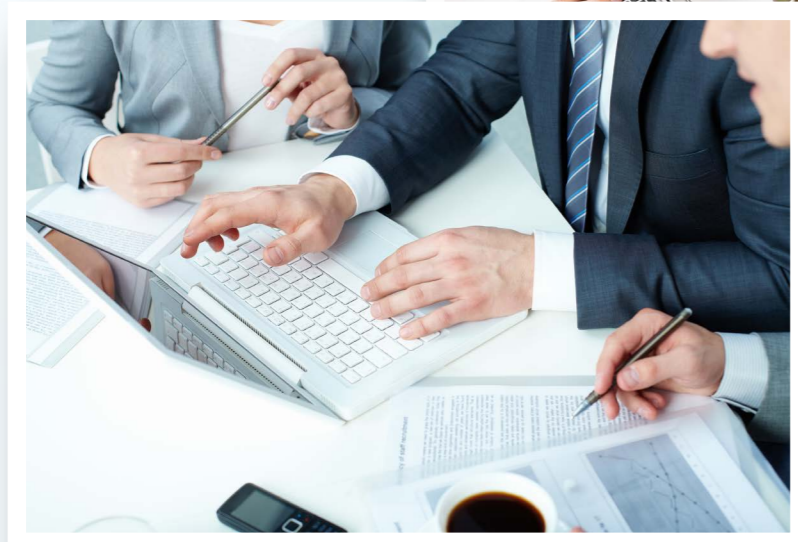
Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	9.259.494	51%
2	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	-
3	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	647.419	3,57%
4	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	2.936.024	16,17%
5	Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
7	Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT	100.000	0,55%



Ông NGUYỄN TUẤN QUỲNH

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh	24/12/1964
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	232/107 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Long Hưng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Cá nhân: Không
	Đại diện sở hữu: 9.259.494 CP, chiếm 51% Vốn điều lệ, là đại diện của Công ty TNHH TMDV Long Hưng

Quá trình công tác

1988 – 1992	Phòng tổ chức cán bộ Tổng kho xăng dầu Nhà Bè – Công ty xăng dầu Khu vực II
1993-2009	Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
2009 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM và DV Long Hưng
2010 – 2011	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty vận tải dầu khí Mekong
2011 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty vận tải dầu khí Mekong
05/05/2018 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Ông PHÙ CHÍ ANH

Thành viên HĐQT

Thông tin xem tại **Chương II mục 2 – Tổ chức và nhân sự**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ông HOÀNG ANH DŨNG

Thành viên HĐQT

Ngày sinh	24/01/1976
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	05 tầng 2, chung cư 23 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế đầu tư Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Cá nhân: Không Đại diện sở hữu: 2.936.024 cổ phần, chiếm 16,17% Vốn điều lệ, là đại diện của PVOIL tại Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau(*)

Quá trình công tác

1992 – 1994	Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex
1993-2009	Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
2005 - đến nay	Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng
05/05/2018 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau

(*) Tính đến ngày 26/03/2022, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (cổ đông lớn chiếm 16,17%) đang tiến hành thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 40/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 08 tháng 03 năm 2022.

Bà NGUYỄN THỊ HIỀN

Thành viên HĐQT

Ngày sinh	10/10/1972
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	232/107 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng Kinh tế đối ngoại – Kỹ thuật viên xăng dầu
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Không có

Quá trình công tác

1992 – 1994	Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex
1993-2009	Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
2005 - đến nay	Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng
05/05/2018 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Bà NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

Thành viên HĐQT

Thông tin xem tại **Chương II mục 2** – Tổ chức và nhân sự

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ông DƯƠNG XUÂN PHÁT

Thành viên HĐQT

Ngày sinh	23/11/1959
Nơi sinh	Long An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	52/2/282 Huỳnh Văn Bánh, phường 14, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Không

Quá trình công tác

1983 – 1992	Cán bộ phòng kế hoạch Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long Công ty TNHH Bình Minh tại Hà Nội
06/1992 – 1993	Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long
07/1993 – 1994	Trưởng phòng nghiệp vụ kiêm Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long (Ban Tài Chính Tỉnh Ủy Vĩnh Long)
1994 – 09/1996	Tổ trưởng Tổ kinh doanh – Phòng kinh doanh Công ty Sài Gòn Petro (Công ty TNHH MTV Dầu Khí TP.HCM)
09/1996 – 03/1997	Giám đốc chi nhánh Công ty Sài Gòn Petro tại Vũng Tàu
04/1997 đến 2016	Phó phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty Sài Gòn Petro
08/2016 đến 12/2018	Phó giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng
05/05/2018 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Ông NGUYỄN VĂN KHÁNH

Thành viên HĐQT

Ngày sinh	14/08/1982
Nơi sinh	Long An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	357/14 Cách Mạng Tháng 8, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Anh văn, Thạc sỹ Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Phó Giám đốc phụ trách CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Không

Quá trình công tác

2006 - 2008	Phó phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kho vận Thương mại Sài Gòn.
2008 - 2011	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
2008 - 2015	Trưởng phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
2012 – đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2015 – đến nay	Phó Giám đốc phụ trách CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
2020 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
2020 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

Tên thành viên	Vị trí HĐQT	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Ghi chú
Hoàng Anh Dũng	Thành viên	30/06/2021	Bổ nhiệm
Lê Xuân Trình	Thành viên	30/06/2021	Miễn nhiệm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xuyên suốt quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát nghiêm ngặt các hoạt động, công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và tổ chức họp định kỳ/đột xuất hàng quý nhằm nắm rõ tiến độ, tình hình hoạt động cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đề ra chiến lược kinh doanh phù hợp, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra.

Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo Ban điều hành thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, thực hiện các Nghị quyết ban hành của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Qua đó, Hội đồng quản trị đảm bảo Công ty hoạt động và phát triển theo đúng định hướng mục tiêu.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng tiến hành giám sát, chỉ đạo công tác công bố thông tin nhằm đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát và kiểm soát các hoạt động Công ty.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	10/10	10/10	
02	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên	10/10	10/10	
03	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	10/10	10/10	
04	Dương Xuân Phát	Thành viên	10/10	10/10	
05	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	10/10	10/10	
06	Phù Chí Anh	Thành viên	10/10	10/10	
07	Hoàng Anh Dũng	Thành viên	3/10	3/10	Bổ nhiệm ngày 30/06/2021
08	Lê Xuân Trình	Thành viên	7/10	7/10	Miễn nhiệm ngày 30/06/2021

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/2021/NQ-HĐQT	07/01/2021	Về việc thông qua chốt danh sách cổ đông về việc chi trả 15% cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt, thông qua chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Cà Mau (Vietcombank CN Cà Mau), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Cà Mau (Vietinbank CN Cà Mau) và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi Nhánh Cà Mau (Sacombank CN Cà Mau)
02	02/2021/NQ-HĐQT	14/01/2021	Về việc Cơ cấu điều chỉnh, chuyển đổi một số ngành hàng kinh doanh, chấn chỉnh công tác tổ chức, sắp xếp nhân sự, đánh giá và cơ cấu lại tài sản hiện hữu công ty.
03	03/2021/NQ-HĐQT	12/03/2021	Về việc thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu được chào bán cho Cổ đông hiện hữu theo phương án đã được duyệt tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông, đến hết ngày 01/03/2021. Thông qua việc chào bán số lượng Cổ phần chưa phân phối hết.
04	03A/2021/NQ-HĐQT	12/03/2021	Về việc thông qua điều chỉnh danh sách nhà đầu tư mua số cổ phần chưa phân phối hết đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 12/03/2021
05	04/2021/NQ-HĐQT	31/03/2021	Về việc thông qua gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, thông qua giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang, thông qua đơn từ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát của Ông Đỗ Cao Sơn.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
06	05/2021/NQ-HĐQT	06/05/2021	Về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch cổ tức năm 2021, thông qua kế hoạch tiền lương năm 2021, thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng, thông qua kế hoạch về việc cho Công ty TNHH MTV Bách Việt vay vốn, thông qua giải thể Cho nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang, Chi nhánh cửa hàng Phân phối hàng tiêu dùng Hộ Phòng và Trạm chiết nạp gas Định Bình.
07	06/2021/NQ-HĐQT	28/06/2021	Về việc thông qua hợp nhất lợi nhuận sau thuế Công ty TNHH Một thành viên Bách Việt năm 2020 về Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau
08	07/2021/NQ-HĐQT	12/08/2021	Về việc chốt danh sách cổ đông chi trả 8% cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt, thông qua báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2021
09	08/2021/NQ-HĐQT	10/09/2021	Về việc ban hành quy chế Công bố thông tin của Công ty
10	09/2021/NQ-HĐQT	27/12/2021	Về việc ước thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021; thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch cổ tức năm 2022; Thông qua kế hoạch tiền lương năm 2022; Thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi Nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Cà Mau, Thông qua bổ nhiệm nhân sự và sắp xếp hệ thống kinh doanh, Thông qua thành lập cửa hàng bán lẻ, giải thể cửa hàng cửa hàng Điện máy Bạc Liêu, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Hộ phòng, Thông qua việc cho Công ty TNHH MTV Bách Việt (công ty con CMV) vay vốn lưu động để hoạt động kinh doanh năm 2022.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia khóa học về quản trị công ty tổ chức trước đây.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên	110.000	0,61%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên	-	-

Ông ĐỖ CAO SƠN

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh	1987
Nơi sinh	Bảo Lộc – Lâm Đồng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	8.02 Lô A, Chung cư Thủ Thiêm lô P, phường Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phụ trách kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Không có

Quá trình công tác

01/2012 – 05/2018	Chuyên viên tư vấn dịch vụ kế toán và thuế Công ty TNHH Kế Toán Kim Thủy
06/2018 - nay	Phụ trách kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng
05/2019 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Trong năm, Công ty không có thay đổi về thành viên Ban Kiểm soát

Ông TRẦN CHÍ HIẾU

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	05/07/1962
Nơi sinh	Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	219/19 Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính – Kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Cá nhân: 110.000 CP, chiếm 0,61% Vốn điều lệ Đại diện sở hữu: Không

Quá trình công tác

09/1981 - 04/1997	Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
05/1997 - 11/2007	Phó Tổng Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
12/2007 – 05/05/2018	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt
05/05/2018 – nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thương Nghiệp Cà Mau

Ông NGÔ THẾ ANH

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	15/07/1983
Nơi sinh	Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	72K Đường Kinh Xáng Bạc Liêu, Khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật – Chuyên ngành luật thương mại
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	Không

Quá trình công tác

7/2006 - 5/2008	Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh
5/2008 - 2/2011	Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
2018 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Đồng thời, hoàn thành nhiệm vụ và hoạt động theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Công ty cũng như đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật.

Ban Kiểm soát Công ty trong năm đã giám sát và đảm bảo các công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được triển khai theo đúng chủ trương, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết được Hội đồng quản trị đề ra, đảm bảo công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất tuân thủ theo Quy chế, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng tiến hành giám sát các hoạt động tài chính của Công ty, thẩm tra báo cáo tài chính các quý trong năm 2021 nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật, UBCKNN, sở GDCK đối với các công ty đại chúng. Qua đó hỗ trợ cho cổ đông và các nhà đầu tư trong việc giám sát và nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.

Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Xuyên suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty. Ban Kiểm soát luôn nhận được sự chủ động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp. Các thông tin này đều được cung cấp đầy đủ và minh bạch trong các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

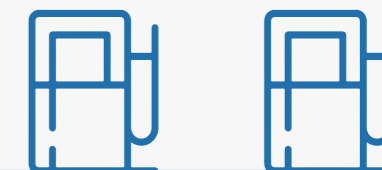
Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cũng luôn tạo điều kiện nhằm hỗ trợ Ban Kiểm soát trong việc thực hiện vai trò giám sát, kiểm tra hoạt động trong Công ty. Tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, các cán bộ đều được cử đến với vai trò cung cấp thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và giải trình đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu, hỗ trợ Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên	2/2	100%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên	2/2	100%



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
Hội đồng quản trị							
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	-	84.000.000	18.000.000	-	102.000.000
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên	1.395.188.257	96.000.000	12.000.000	1.362.679.700	2.865.867.957
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	-	60.000.000	12.000.000	-	72.000.000
4	Dương Xuân Phát	Thành viên	-	60.000.000	12.000.000	-	72.000.000
5	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	-	60.000.000	6.000.000	-	66.000.000
6	Phù Chí Anh	Thành viên	608.501.157	84.000.000	12.000.000	343.128.500	1.047.629.657
7	Hoàng Anh Dũng	Thành viên	-	30.000.000	-	-	30.000.000
8	Lê Xuân Trinh	Thành viên	-	30.000.000	-	3.237.000	33.237.000
Ban điều hành							
1	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-	-
2	Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	538.646.704	-	12.000.000	100.164.100	650.810.804
Ban Kiểm soát							
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	48.000.000	9.000.000	-	57.000.000
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên	-	48.000.000	7.000.000	202.410.500	257.410.500
3	Ngô Thế Anh	Thành viên	-	36.000.000	7.000.000	-	43.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT - TGD	431.613	3,57%	647.419	3,57%	Mua
2	Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	92.269	0,76%	100.000	0,55%	Mua
3	Lưu Hoàng Thống	Phó TGD	8.767	0,07%	108.767	0,60%	Mua
4	Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	74.967	0,62%	110.000	0,61%	Mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	Công ty mẹ	0303937088	20 Nguyễn Thị Huỳnh, P8, Q.Phú Nhuận TP.HCM	Mua hàng với giá trị GD = 381.91.064.700 đồng

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành: Không có

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	380014296	184 Ngô Quyền, P1, TP Cà Mau	09/2021/NQ-HĐQT	Chuyển nhượng quyền sử dụng theo các giấy chứng nhận số CS 141329, CS 141330, CS 141331, CS 141332 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10/05/2019 cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty Mẹ và Công ty TNHH MTV Bách Việt – Công ty con và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu – Công ty con) (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”).

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 637/NĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp về việc tăng vốn điều lệ. Và theo Quyết định số 349/QĐ-SGDHCM thay đổi đăng ký niêm yết ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM chấp thuận cho Công ty thay đổi số niêm yết chứng khoán có hiệu lực ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

Mã chứng khoán : CMV.

Vốn điều lệ : 181.558.680.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 70 – 72 Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại : + 84-(290) 383 92 20

Fax : + 84-(290) 383 43 58

3. Cấu trúc Tập đoàn

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 15B Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san...	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%



Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng; Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát; Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch		
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên		
Ông Lê Xuân Trinh	Thành viên		30/6/2021
Ông Dương Xuân Phát	Thành viên		
Ông Phù Chí Anh	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên		
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	30/6/2021	



Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Cao Sơn	Trưởng ban
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên
Ông Ngô Thế Anh	Thành viên

5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc		
Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm KTT		
Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc		07/1/2021
Ông Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc Công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 59.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

- Công ty đang tiến hành các thủ tục thoái vốn đầu tư theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu.
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (cổ đông lớn chiếm 16,17%) đang tiến hành thoái vốn tại Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 40/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 08 tháng 3 năm 2022.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2022.

TM. Hội đồng quản trị



NGUYỄN TUẤN QUỲNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

03/2
CÓ
CH N
M T
HU
5-7

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Địa chỉ: Số 70-72 Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		360.315.172.330	488.885.802.913
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	31.673.305.162	41.921.719.732
111	1. Tiền		28.173.305.162	41.921.719.732
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	18.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	5.000.000.000	18.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		85.532.382.825	119.433.170.769
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	61.617.721.420	91.422.755.329
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	13.339.035.580	6.297.746.415
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	13.580.642.267	24.660.537.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.164.840.670)	(3.377.381.476)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	159.824.228	429.513.421
140	IV. Hàng tồn kho		236.747.098.956	307.249.580.528
141	1. Hàng tồn kho	V.8	236.747.098.956	307.249.580.528
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.362.385.387	1.781.331.884
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	405.348.047	471.701.237
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		927.315.215	1.309.630.647
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	29.722.125	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		112.538.213.308	116.766.872.367
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.427.805.000	2.316.720.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.427.805.000	2.316.720.000
220	II. Tài sản cố định		89.708.231.641	94.638.878.701
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	54.282.104.525	59.129.256.713
222	- Nguyên giá		160.615.865.621	158.395.213.230
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(106.333.761.096)	(99.265.956.517)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	35.426.127.116	35.509.621.988
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	37.148.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.722.839.547)	(1.639.344.675)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.094.957.400	1.094.957.400
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	1.094.957.400	1.094.957.400
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	6.029.757.600	5.532.436.600
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.469.819.600)	(2.967.140.600)
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.277.461.667	13.183.879.666
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	13.277.461.667	13.183.879.666
269	2. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		472.853.385.638	605.652.675.280

TRẮC KIỂM

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Địa chỉ: Số 70-72 Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		221.691.975.708	407.850.898.592
310	I. Nợ ngắn hạn		221.241.975.708	407.400.898.592
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	83.813.142.902	122.692.331.509
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	123.081.585	1.076.951.846
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	2.159.194.972	5.064.823.901
314	4. Phải trả người lao động	V.16	12.807.621.006	19.137.836.913
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	3.429.735.300	2.100.997.709
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	715.687.045	844.880.045
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	3.508.618.781	3.202.955.638
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	112.241.649.658	251.205.346.790
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.443.244.459	2.074.774.241
330	II. Nợ dài hạn		450.000.000	450.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	450.000.000	450.000.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		251.161.409.930	197.801.776.688
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	251.161.409.930	197.801.776.688
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.558.680.000	121.039.120.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.558.680.000	121.039.120.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.578.837.745	1.750.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.637.790.000	1.637.790.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		30.928.193.775	30.217.312.764
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.500.314.568	34.777.187.287
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(169.033.292)	17.801.682.541
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		27.669.347.860	16.975.504.746
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.957.593.842	8.380.366.637
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		472.853.385.638	605.652.675.280

TRẮC KIỂM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2022.

[Signature]

[Signature]

[Signature]

PHỤ CHÍ ANH

PHỤ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
 Địa chỉ: Số 70-72 Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	3.861.622.463.032	4.222.119.804.921
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	115.390.909	44.861.685
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.861.507.072.123	4.222.074.943.236
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	3.709.654.441.103	4.034.384.187.237
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		151.852.631.020	187.690.755.999
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	5.211.008.694	7.612.341.689
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	9.476.822.014	15.433.611.776
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.680.362.314	15.601.810.112
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	113.231.516.107	152.428.025.479
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	21.652.176.394	23.148.778.224
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.703.125.199	4.292.682.209
31	12. Thu nhập khác	VI.8	23.396.731.848	20.048.495.261
32	13. Chi phí khác	VI.9	267.340.922	279.316.428
40	14. Lợi nhuận khác		23.129.390.926	19.769.178.833
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.832.516.125	24.061.861.042
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	7.295.964.225	5.589.928.141
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.536.551.900	18.471.932.901
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		27.595.776.119	17.255.999.208
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		940.775.781	1.215.933.693
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12a	1.692	1.328
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.12b	1.692	1.328

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHÙ CHỈ ANH

PHÙ CHỈ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



Số 10/12 ĐĐ Nam, phường 4, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		35.832.516.125	24.061.861.042
	2. Điều chỉnh các khoản		15.837.924.574	20.832.144.442
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9-10	8.127.712.451	8.192.682.970
03	- Các khoản dự phòng	V.5-12	712.044.672	32.966.504
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.682.194.863)	(3.736.156.072)
06	- Chi phí lãi vay		9.680.362.314	16.342.651.040
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.670.440.699	44.894.005.484
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		43.860.130.021	38.515.103.583
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	70.502.481.572	76.777.901.730
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(46.769.356.621)	(86.275.801.684)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9	(27.228.811)	(1.927.481.019)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.730.092.042)	(16.383.293.062)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(8.704.039.794)	(6.733.563.379)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	(1.354.933.785)	(2.971.489.089)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		99.447.401.239	45.895.382.564
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.12	(3.177.114.482)	(2.096.749.709)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.9	65.000.000	32.727.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(8.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.500.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.071.588.175	3.310.688.945
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.459.473.693	(7.253.333.492)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	V.22	60.519.560.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	1.694.188.029.305	1.796.025.295.318
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(1.833.151.726.437)	(1.849.520.934.316)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22	(33.711.152.370)	(942.561.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(112.155.289.502)	(54.438.200.598)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(10.248.414.570)	(15.796.151.526)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		41.921.719.732	57.717.871.258
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	31.673.305.162	41.921.719.732

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHÙ CHỈ ANH

PHÙ CHỈ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau - tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty mẹ và 02 công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (sau đây gọi là "Tập đoàn")

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, có các đặc điểm hoạt động ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Công ty đã thanh lý 08 site phân phối các sản phẩm độc quyền Unilever của Công ty TNHH Quốc tế tại Cà Mau – Bạc Liêu – Sóc Trăng – Năm Căn – An Minh – Ngã Năm – Hộ Phòng và Hậu Giang theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Quản trị, dẫn đến doanh thu giảm đi so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (Xem thuyết minh IV.6b)

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau - tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 15B Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tập đoàn không có công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

6d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6e. Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

6f. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6g. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6h. Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

6i. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Tập đoàn không có những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 699 nhân viên đang làm việc tại các công ty con trong Tập đoàn (số đầu năm là 773 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

75-
TY
HỒI
ĐI TỪ
VIỆ
10.9

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

4. Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Tập đoàn không phát sinh chiết khấu dòng tiền.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được đổi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 49-50 năm

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 15 năm

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

14. Quỹ lương

- Quỹ lương năm 2021 được trích theo Biên bản họp HĐQT số 05/HĐQT-HĐQT ngày 06 tháng 05 năm 2021 như sau:

Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (Công ty mẹ) = 575 x 8.500.000 x 12 tháng.

Công ty TNHH MTV Bách Việt (Công ty con) = 63 x 8.500.000 x 12 tháng.

- Công ty CP In Bạc Liêu (Công ty con): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 10 tháng 7 năm 2021 tổng quỹ lương kế hoạch năm 2021 là 11.328.000.000 VND. Công ty xác định quỹ lương năm 2021 với số tiền 10.195.200.000 VND theo Kế hoạch chi thường cho người lao động và trích lập quỹ năm 2021 của HĐQT.

- Số lượng lao động định biên không vượt quá 120 người. Số lao động thực tế đến 31 tháng 12 năm 2021 là 115 người, số lao động bình quân 12 tháng là 113 người.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức chính thức.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm chủ yếu là hàng bán lẻ và xăng dầu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Bách Việt (công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Công ty CP In Bạc Liêu được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

25. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Số liệu so sánh

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu, Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được trình bày lại cho phù hợp với tỷ lệ trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐ-2020 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.283	1.328	45
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.283	1.328	45

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.495.367.423	24.671.901.101
Tiền gửi ngân hàng	16.677.937.739	17.249.818.631
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	-
Cộng	31.673.305.162	41.921.719.732

Tập đoàn không có tiền gửi ngân hàng phong tỏa, cầm cố để đảm bảo vay.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000

Tập đoàn không có các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	8.499.577.200	(2.469.819.600)	6.029.757.600	8.499.577.200	(2.967.140.600)	5.532.436.600
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000	-	21.500.000
Tổng Công ty CP TM KT & Đầu tư Petec	4.186.371.000	(2.372.276.900)	1.814.094.100	4.186.371.000	(2.551.692.800)	1.634.678.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	312.000.000	(39.462.700)	272.537.300	312.000.000	(131.615.600)	180.384.400
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	426.000.000	(58.080.000)	367.920.000	426.000.000	(171.960.000)	254.040.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	553.706.200	-	553.706.200	553.706.200	(111.872.200)	441.834.000
Cộng	8.499.577.200	(2.469.819.600)	6.029.757.600	8.499.577.200	(2.967.140.600)	5.532.436.600

(*) Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.967.140.600)	(3.306.856.300)
Trích lập dự phòng	(463.829.500)	(371.810.500)
Hoàn nhập dự Phòng	961.150.500	711.526.200
Số cuối năm	(2.469.819.600)	(2.967.140.600)

Tập đoàn không có Đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Cam kết góp vốn

Tập đoàn không có cam kết góp vốn trong tương lai.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu các khách hàng của nhóm hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	61.617.721.420	91.422.755.329
Phải thu khách hàng Xăng dầu	1.696.342.173	2.662.278.799
Phải thu khách hàng Bách hóa	57.701.094.492	84.846.902.610
Phải thu khách hàng kim khí điện máy	1.800.060.755	2.628.472.910
Các khách hàng khác	420.224.000	1.285.101.010
Cộng	61.617.721.420	91.422.755.329

Phải thu các khách hàng của chi nhánh, cửa hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	61.617.721.420	81.246.179.675
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	6.231.564.865	8.174.024.907
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm	8.068.559.990	11.017.705.334
CN Công ty CP TN Cà Mau tại Kiên Giang	12.123.219.732	14.083.811.633
Cửa hàng Bách hóa An Minh	4.898.097.500	6.262.280.566
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Tp. Cà Mau	6.245.689.869	5.029.008.398
Các khách hàng khác	24.050.589.464	46.855.924.491
Cộng	61.617.721.420	91.422.755.329

Công ty Mẹ thế chấp toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.20).

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	13.339.035.580	6.297.746.415
Công ty CP Diana Charm (KG+AM)	3.051.990.438	204.316.541
Công ty CP Pin Acquy Miền Nam	1.586.861.377	365.445.860
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan_CN Bình Dương	3.011.528.912	3.870.311
Công ty CP Diana Unicharm	1.389.303.685	194.751.047
Các khách hàng khác	4.299.351.168	5.529.362.656
Cộng	13.339.035.580	6.297.746.415

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	451.175.000	-	1.097.959.000	-
Tạm ứng	451.175.000	-	1.097.959.000	-
Lưu Hoàng Thống - PTGD	451.175.000	-	1.097.959.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	13.129.467.267	-	23.562.578.080	-
Ký cược, ký quỹ	8.513.782.000	-	9.127.562.000	-
Tạm ứng	1.328.832.131	-	1.388.027.717	-
Phải thu hàng khuyến mãi hộ ^(*)	1.457.450.288	-	8.807.972.406	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	239.523.003	-	191.237.315	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.589.879.845	-	4.047.778.642	-
Cộng	13.580.642.267	-	24.660.537.080	-

Trong đó:

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

^(*) Phải thu hàng khuyến mãi hộ là khoản chi khuyến mãi hộ trước chờ nhà cung cấp trả lại.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tạm ứng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Phân phối Hàng tiêu dùng Sóc Trăng	-	574.340.844
Trần Công Đăng	976.429.579	342.277.023
Cá nhân khác	352.402.552	471.409.850
Cộng	1.328.832.131	1.388.027.717

Ký quỹ, ký cược

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu về ký cược, ký quỹ các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu về ký cược, ký quỹ các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.513.782.000	9.127.562.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	2.450.000.000	3.150.000.000
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	1.820.000.000	1.820.000.000
Các khách hàng khác	4.243.782.000	4.157.562.000
Cộng	8.513.782.000	9.127.562.000

Phải thu hàng khuyến mãi hộ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.457.450.288	8.807.972.406
Hàng khuyến mại hộ của Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	-	5.482.280.510
Hàng khuyến mại hộ của Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	1.077.017.417	3.325.691.896
Các khách hàng khác	380.432.871	-
Cộng	1.457.450.288	8.807.972.406

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược vỏ bia và nước giải khát.

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.427.805.000	-	2.316.720.000	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.427.805.000	-	2.316.720.000	-
Cộng	2.427.805.000	-	2.316.720.000	-

Tập đoàn không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Trà Kha	618.000.000	9.151.420	666.121.313	-
Cửa hàng Bách hoá Hậu Giang	428.000.000	36.500.000	421.326.827	-
Cửa hàng Bách Hóa An Minh	375.256.950	53.438.920	375.256.950	53.438.920
Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Năm Căn	256.539.052	-	345.446.890	10.253.315
Cửa Hàng Công Nghệ Thực Phẩm Trà Kha	528.650.431	10.575.646	49.870.050	4.690.065
Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Sóc Trăng	325.000.000	-	374.939.836	-
Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh khác	900.769.366	157.709.143	1.728.402.417	515.600.507
Cộng	3.432.215.799	267.375.129	3.961.364.283	583.982.807

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.377.381.476)	(3.068.995.130)
Trích lập trong năm	(435.211.188)	(418.145.165)
Hoàn nhập dự phòng	647.751.994	109.758.819
Số dư cuối năm	(3.164.840.670)	(3.377.381.476)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu đang chờ xử lý.

8. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.560.939.655	-	2.814.427.331	-
Công cụ, dụng cụ	104.298.250	-	105.010.962	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	233.081.861.051	-	304.330.142.235	-
Cộng	236.747.098.956	-	307.249.580.528	-

Trong đó:

- Công ty không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Công ty mẹ thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 67.462.699.360 VND (số đầu năm là 100.354.224.527 VND).

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	14.722.863	74.586.037
Chi phí sửa chữa	354.858.365	48.688.866
Chi phí bảo hiểm tài sản	35.766.819	348.426.334
Cộng	405.348.047	471.701.237

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	471.701.237	369.491.827
Tăng trong năm	2.876.365.191	3.324.723.434
Phân bổ trong năm	(2.942.718.381)	(3.288.132.723)
Giảm khác	-	(35.000.000)
Số cuối năm	405.348.047	371.082.538

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	343.313.723	690.715.468
Tiền thuê đất (*)	9.079.783.559	9.366.379.163
Chi phí sửa chữa	3.263.166.853	2.939.000.081
Tiền thuê nhà	118.181.819	118.181.819
Chi phí khác	473.015.713	69.603.135
Cộng	13.277.461.667	13.183.879.666

(*) Theo các hợp đồng thuê đất, nhà kho:

- Hợp đồng thuê đất của Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc (**), mục đích thuê xây kho cất chứa hàng bách hóa.
- Hợp đồng thuê đất số 02/HĐKT-2019 ngày 05 tháng 01 năm 2019
 - + Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
 - + Theo Giấy chứng nhận số CP 544465 – CP 544466 – CP 544467 – CP 544468 – CP 544437 – CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019.
 - + Diện tích: 538,5 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 4.440.000.000 VND
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/12/2068).
- Hợp đồng thuê đất ngày 01 tháng 6 năm 2019
 - + Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
 - + Theo Giấy chứng nhận số CS 141329 – CS 141330 – CS 141331 – CS 141332 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10 tháng 05 năm 2019.
 - + Diện tích: 351,2 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 2.960.000.000 VND
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/5/2069).
- Hợp đồng thuê đất số 174/HĐKT-2018 ngày 31 tháng 7 năm 2017
 - + Địa chỉ thuê: Dự án khu đô thị thứ Bảy, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- + Theo Giấy chứng nhận số CK 507114 – CK 507115 – CK 507116 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp ngày 25 tháng 08 năm 2017.
 - + Diện tích: 567,1 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 1.077.490.000 đồng.
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 180 tháng (hết hạn ngày 31 tháng 12 năm 2032)
- Và các hợp đồng thuê khác.

(**) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, Huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 567,1 m², giá trị chuyển nhượng 1.077.490.000 đồng.
2. Quyền sử dụng đất tại ấp 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 901,87 m², giá trị chuyển nhượng 7.770.000.000 đồng.

Các Quyền sử dụng đất trên đã được chuyển quyền sở hữu cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh theo các Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chi tiết như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141329 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141330 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
3. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141331 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
4. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141332 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
5. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
6. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
7. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
8. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
9. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

11. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507114 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

12. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507115 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

13. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507116 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189,1 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.183.879.666	11.357.017.346
Tăng trong năm	3.358.364.327	5.125.209.779
Phân bổ trong năm	(3.264.782.326)	(3.298.347.459)
Số cuối năm	13.277.461.667	13.183.879.666

Công ty thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m², thời hạn sử dụng lâu dài do bà Nguyễn Thị Việt Ánh được Công ty uỷ quyền đứng tên (xem thuyết minh số V.20).

Theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2021 thông qua chuyển nhượng QSDĐ Hộ Phòng do bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đứng tên theo ủy quyền của HĐQT.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	86.785.220.342	33.745.148.190	35.816.890.844	1.645.876.756	402.077.098	158.395.213.230
2. Tăng trong năm	401.403.577	-	2.795.661.814	-	-	3.197.065.391
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	-	-	2.795.661.814	-	-	2.795.661.814
<i>XDCB hoàn thành</i>	381.452.668					381.452.668
<i>Tăng khác</i>	19.950.909					19.950.909
3. Giảm trong năm	-	-	(976.413.000)	-	-	(976.413.000)
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	-	(976.413.000)	-	-	(976.413.000)
4. Số cuối năm	87.186.623.919	33.745.148.190	37.636.139.658	1.645.876.756	402.077.098	160.615.865.621
Trong đó:						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	13.192.827.214	20.415.775.553	9.979.942.051	1.080.676.756	380.388.098	45.049.609.672
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	48.563.934.144	26.318.954.608	22.697.266.090	1.305.413.577	380.388.098	99.265.956.517
2. Tăng trong năm	3.791.147.440	1.568.021.844	2.353.937.212	324.763.083	6.348.000	8.044.217.579
<i>Tăng do khấu hao</i>	3.791.147.440	1.568.021.844	2.353.937.212	324.763.083	6.348.000	8.044.217.579
3. Giảm trong năm	-	-	(976.413.000)	-	-	(976.413.000)
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	-	(976.413.000)	-	-	(976.413.000)
4. Số cuối năm	52.355.081.584	27.886.976.452	24.074.790.302	1.630.176.660	386.736.098	106.333.761.096
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	38.221.286.198	7.426.193.582	13.119.624.754	340.463.179	21.689.000	59.129.256.713
2. Tại ngày cuối năm	34.831.542.335	5.858.171.738	13.561.349.356	15.700.096	15.341.000	54.282.104.525
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 242.777.774 VND (Xem thuyết minh số V.20).

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Tập đoàn có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2021 đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty CP In Bạc Liêu ngày 10/07/2021 thông qua kế hoạch đầu tư, mua sắm, thanh lý máy móc:

+ Kế hoạch mua 01 máy in Offset 01 màu: Máy in 1 màu hiệu: KOMORI SII-226, (Khổ 480x660mm), năm sản xuất: 2003 (Máy đã qua sử dụng), nước sản xuất: Nhật Bản, đơn giá dự kiến: 495.000.000 đồng, bao gồm 10% thuế GTGT (đã bao gồm phí vận chuyển và lắp đặt).

+ Thanh lý máy móc không còn sử dụng: Máy in Offset 1 màu, hiệu Komori Excell, nguyên giá: 272.126.091 đồng, đã khấu hao hết, giá trị dự kiến thanh lý là: 34.980.000 đồng, đã bao gồm 10% thuế GTGT.

11. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	849.221.480	849.221.480
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	790.123.195	849.221.480	1.639.344.675
2. Tăng trong năm	83.494.872	-	83.494.872
<i>Tăng do khấu hao</i>	83.494.872	-	83.494.872
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	873.618.067	849.221.480	1.722.839.547
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	35.509.621.988	-	35.509.621.988
2. Tại ngày cuối năm	35.426.127.116	-	35.426.127.116
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 17.933.229.916 VND.
- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	1.094.957.400	-	-	1.094.957.400
Nhà kho Năm Căn	1.094.957.400	-	-	1.094.957.400
Mua sắm TSCĐ	-	3.177.114.482	(3.177.114.482)	-
Cộng	1.094.957.400	3.177.114.482	(3.177.114.482)	1.094.957.400

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	21.444.025.410	44.101.360.515
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Công ty mẹ	21.444.025.410	44.101.360.515
Phải trả nhà cung cấp khác	62.369.117.492	78.590.970.994
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	-	10.663.534.874
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	24.102.493.720	18.365.507.170
Công ty TNHH Totalgas Việt Nam	7.916.308.574	6.942.504.318
Các khách hàng khác	30.350.315.198	42.619.424.632
Cộng	83.813.142.902	122.692.331.509

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác	123.081.585	1.076.951.846
Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Bạc Liêu	-	910.000.000
Dương Thị Liên (Chị Liên) (Tuần Liên)_Bùn Tàu_BT	56.633.544	-
Các khách hàng khác	66.448.041	166.951.846
Cộng	123.081.585	1.076.951.846

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.145.498.947	24.930.937.457	(26.431.274.546)	-	645.161.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.891.532.048	7.295.964.225	(8.704.039.794)	-	1.483.456.479
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.792.906	1.095.009.075	(1.108.988.223)	16.762.877	30.576.635
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	960.784.848	(973.744.096)	12.959.248	-
Các loại thuế khác	-	-	612.700.784	(612.700.784)	-	-
Cộng	-	5.064.823.901	34.895.396.389	(37.830.747.443)	29.722.125	2.159.194.972

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Bách Việt (công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Công ty CP In Bạc Liêu được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	12.807.621.006	19.137.836.913
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	12.807.621.006	19.137.836.913

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.429.735.300	2.100.997.709
Chi phí lãi vay phải trả	102.850.287	152.580.015
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.326.885.013	1.948.417.694
Cộng	3.429.735.300	2.100.997.709

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	715.687.045	844.880.045
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	715.687.045	844.880.045
Cộng	715.687.045	844.880.045

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

19. Phải trả ngắn hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.508.618.781	3.202.955.638
Phải trả về cổ phần hoá	216.502.269	216.502.269
Tài sản thừa chờ giải quyết	110.685.691	131.550.751
Kinh phí công đoàn	148.814.176	168.130.368
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.020.246.945	1.867.318.880
Hàng khuyến mãi	1.611.558	107.118.581
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.010.758.142	712.334.789
Cộng	3.508.618.781	3.202.955.638

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả tiền đặt cọc cho thuê nhà.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	450.000.000	450.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	450.000.000	450.000.000
Cộng	450.000.000	450.000.000

19c. Nợ quá hạn thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	112.241.649.658	112.241.649.658	251.205.346.790	251.205.346.790
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.241.649.658	112.241.649.658	251.005.346.790	251.005.346.790
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Cà Mau ⁽¹⁾	76.274.815.836	76.274.815.836	55.900.492.015	55.900.492.015
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau ⁽²⁾	35.966.833.822	35.966.833.822	195.104.854.775	195.104.854.775
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	112.241.649.658	112.241.649.658	251.205.346.790	251.205.346.790

⁽¹⁾ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 136-2021/HĐCV-CMA-QLN kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 135/HĐ-CMA-QLN ký ngày 09 tháng 12 năm 2021

- Giới hạn cấp tín dụng: 120.000.000.000 VND (Hạn mức cho vay này còn bao gồm cả dư nợ vay của khách hàng tại ngân hàng theo hợp đồng cấp tín dụng số 02-2021/HĐ-CMA-QLN ký ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa ngân hàng và khách hàng tính đến thời điểm ký hợp đồng này).

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn vay nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức

- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

- Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 2 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay/ từng lần nhận nợ

- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng

- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V.8, V.9, V.10, V.11):

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008 cho Công ty, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 05, địa chỉ khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 211,5 m² theo HĐTC số 44-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 01 tháng 6 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 537991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 04 tháng 6 năm 2018), thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.697,9 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 487003 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho Công ty, thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.870 m² theo Hợp đồng thế chấp số 46-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 06 tháng 6 năm 2018.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406710 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 10 tháng 12 năm 2010), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ tại khu dân cư Đại Lộc, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406714 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 11 năm 2010 cho Công ty, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích: 874,2 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Và căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 theo Hợp đồng thế chấp số 48-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 12 tháng 6 năm 2018.

+ Hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 87-2020/HĐTC-CMA-QLN ngày 16 tháng 3 năm 2020, cụ thể hàng hóa lưu tại các kho: Kho thuốc lá Bạc Liêu, Kho thuốc lá Cà Mau, Kho chi nhánh Kiên Giang, Kho Bách hóa An Minh, Kho Công nghệ thực phẩm Hộ Phòng.

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TGD đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460331 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 11, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460332 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 12, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466641 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 13, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466642 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 14, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466643 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 15, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466644 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 16, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 155,5 m².

⁽²⁾ **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau**

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 86005000.005/2020-HĐCVHM/NHCT1860-CTYTHUONGNGHIEP ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau.

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2021 đến ngày 06 tháng 6 năm 2022.
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 2 tháng.
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V.3, V.8, V.9, V.10, V.11):

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.001/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 10 tháng 5 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X242685 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 02/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 31, địa chỉ phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 103,3 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110041271 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 23/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 300 m² và quyền sở hữu nhà ở 102,24m².
- + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.014/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 22 tháng 10 năm 2020: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:
- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số X046240 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 24/05/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 160 m².

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110040735 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 10/04/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 365, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: 44/6, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 179,34 m² và quyền sở hữu nhà ở 180,91m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T959935 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 18/09/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 99-1 và 99-2, tờ bản đồ số 22, địa chỉ 407 đường 23/8, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 1.600 m² (đất ở 300 m² và đất lập vườn 1.300 m²).
- + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.002/2019/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TGD đứng tên sau:
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 189, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 190, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m² theo HĐTC số 86005000.002/2019/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019.
- + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.006/2020/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 26 tháng 6 năm 2020: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TGD đứng tên sau:
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019278 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019279 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019280 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 185, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m2.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019281 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 182, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m2.

+ Toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển của Bên thế chấp đối với các bên thứ 3 có nghĩa vụ thanh toán với bên thế chấp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 86005000.011/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020.

+ Hàng hóa thế chấp là Hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 86005000.012/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020, cụ thể hàng tồn kho tại các kho: Kho Bách hóa Nguyễn Du, Kho Bách hóa Phường 2 (CH), Kho Bách hóa Phường 3 (CH), Kho Bách hóa Phường 8 (CH), Kho Điện máy Cà Mau 1 (lê), Kho Gas Định Bình, Kho Nông ngư cơ Cà Mau, Kho thực phẩm Cà Mau (CH), Kho xăng dầu Cái Nai, Kho xăng dầu phường 4 (CH), Tổng kho Định Bình.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	251.005.346.790	1.694.188.029.305	(1.833.151.726.437)	112.241.649.658
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Cà Mau</i>	<i>195.104.854.775</i>	<i>1.026.567.322.989</i>	<i>(1.145.397.361.928)</i>	<i>76.274.815.836</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau</i>	<i>55.900.492.015</i>	<i>667.620.706.316</i>	<i>(687.554.364.509)</i>	<i>35.966.833.822</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	200.000.000	-	(200.000.000)	-
<i>Công ty CP HH Vedan Việt Nam</i>	<i>200.000.000</i>	-	<i>(200.000.000)</i>	-
Cộng	251.205.346.790	1.694.188.029.305	(1.833.151.726.437)	112.241.649.658

20b. Vay quá hạn

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận ^(*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.634.846.926	358.950.285	(484.499.377)	1.509.297.834
Quỹ phúc lợi	157.476.448	1.294.246.231	(656.180.330)	795.542.349
Quỹ thưởng Ban Điều hành	282.450.867	70.207.487	(214.254.078)	138.404.276
Cộng	2.074.774.241	1.723.404.003	(1.354.933.785)	2.443.244.459

^(*) Chi tiết Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lợi nhuận trong năm:

Chi tiết	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Quỹ khen thưởng	125.895.029	116.527.628	358.950.285
Quỹ phúc lợi	1.106.091.075	94.077.578	1.294.246.231
Quỹ thưởng Ban Điều hành	38.614.118	31.593.369	70.207.487
Cộng	1.270.600.222	242.198.575	1.723.404.003

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	28.395.005.354	21.314.417.017	7.856.159.682	181.992.492.053
Tăng trong năm trước	-	-	-	1.822.307.410	17.255.999.208	1.215.933.693	20.294.240.311
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(3.793.228.938)	(691.726.738)	(4.484.955.676)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	30.217.312.764	34.777.187.287	8.380.366.637	197.801.776.688
Tăng trong năm	60.519.560.000	-	-	710.881.011	27.595.776.119	940.775.781	89.766.992.911
Giảm trong năm	-	(171.162.255)	-	-	(34.872.648.838)	(1.363.548.576)	(36.407.359.669)
Số dư cuối năm	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	30.928.193.775	27.500.314.568	7.957.593.842	251.161.409.930

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	51,00%	92.594.940.000	51,00%	61.729.960.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16,17%	29.360.240.000	24,26%	29.360.240.000
Cổ đông khác	32,83%	59.603.500.000	24,74%	29.948.920.000
Cộng	100,00%	181.558.680.000	100,00%	121.039.120.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Chi tiết	Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp VND	Vốn điều lệ còn phải góp VND
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	92.594.940.000	51,00%	44.334.250.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	29.360.240.000	16,17%	29.360.240.000	-
Các Cổ đông khác	59.603.500.000	32,83%	29.948.920.000	-
Cộng	181.558.680.000	100,00%	121.039.120.000	-

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	121.039.120.000	121.039.120.000
+ Vốn góp tăng trong năm	60.519.560.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	181.558.680.000	121.039.120.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.524.694.400	18.155.868.000

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22d. Cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.155.868	12.103.912
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.155.868	12.103.912
Cổ phiếu phổ thông	18.155.868	12.103.912
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.187.922	12.103.912
Cổ phiếu phổ thông	15.187.922	12.103.912
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

22e. Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐ-2021 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 là 8%, tương đương 14.524.694.400 VND (tỷ lệ chia cổ tức năm trước là 15%, tương đương 18.155.868.000 VND) và tỷ lệ chia cổ tức kế hoạch của năm 2021 là 12%.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	(32.589.802.370)	(269.751.600)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	(32.589.802.370)	(269.751.600)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	34.777.187.287
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.595.776.119
Phân phối trong năm:	(34.872.648.838)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.481.205.428)
- Quỹ đầu tư phát triển	(710.881.010)
- Chia cổ tức năm 2020	(14.524.694.400)
- Chia cổ tức năm 2019	(18.155.868.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	27.500.314.568

22g. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.380.366.637	7.856.159.682
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	940.775.781	1.215.933.693
Giảm do chia cổ tức, trích quỹ	(1.363.548.576)	(691.726.738)
Số cuối năm	7.957.593.842	8.380.366.637

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	15.824.929.129	-	16.084.929.129
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng bách hóa	2.805.241.204.284	3.205.518.288.051
Doanh thu bán xăng dầu	764.305.866.529	732.686.715.463
Doanh thu khác	292.075.392.219	283.914.801.407
Cộng	3.861.622.463.032	4.222.119.804.921

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	115.390.909	44.861.685
Cộng	115.390.909	44.861.685

3. Giá vốn bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng bách hóa	2.717.832.125.101	3.082.721.512.400
Giá vốn hàng bán xăng dầu	723.637.949.356	687.570.760.652
Giá vốn khác	268.184.366.646	264.091.914.185
Cộng	3.709.654.441.103	4.034.384.187.237

10/2/2021
ĐƠN
TƯ
VIỆ
8/

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	3.306.048.382	4.573.978.911
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.544.124.663	2.532.488.172
Lãi bán hàng trả chậm	330.451.649	415.490.606
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.384.000	90.384.000
Cộng	5.211.008.694	7.612.341.689

5. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	9.680.362.314	15.601.810.112
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(497.321.000)	(339.715.700)
Chi phí tài chính khác	293.780.700	171.517.364
Cộng	9.476.822.014	15.433.611.776

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	77.891.168.276	93.358.129.196
Chi phí vật liệu, bao bì	5.817.045.349	4.816.826.031
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.567.020.261	997.049.646
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.334.974.703	6.321.089.075
Chi phí mua ngoài	15.193.707.868	37.819.992.193
Chi phí khác bằng tiền	6.427.599.650	9.114.939.338
Cộng	113.231.516.107	152.428.025.479

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.615.234.123	12.951.162.131
Chi phí vật liệu quản lý	368.163.446	281.627.497
Chi phí khấu hao TSCĐ	139.380.268	140.870.131
Thuế, phí, lệ phí	1.850.965.831	2.673.773.632
Chi phí dự phòng	(212.540.806)	308.386.346
Chi phí mua ngoài	1.963.603.635	2.160.855.454
Chi phí khác bằng tiền	2.927.369.897	4.632.103.033
Cộng	21.652.176.394	23.148.778.224

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản thưởng, hỗ trợ	22.742.251.140	19.308.201.962
Thu từ thanh lý tài sản	65.000.000	32.727.272
Thu từ các khoản nợ đã xóa	98.500.000	13.163.000
Thu nhập khác	490.980.708	694.403.027
Cộng	23.396.731.848	20.048.495.261

9. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Truy thu thuế TNCN, GTGT	36.634.946	278.927.433
Phạt vi phạm hành chính về thuế	103.757.344	-
Phạt chậm nộp thuế	26.862.601	-
Chi phí khác	100.086.031	388.995
Cộng	267.340.922	279.316.428

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.832.516.125	24.061.861.042
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	891.716.000	5.138.541.690
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>891.716.000</i>	<i>5.228.925.690</i>
Chi phí không được trừ khi xác định TN chịu thuế	333.716.000	472.050.185
CP thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	558.000.000	486.000.000
Chi phí lãi vay loại trừ theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	-	4.270.875.505
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(50.334.909)</i>	<i>(90.384.000)</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(30.384.000)	(90.384.000)
Điều chỉnh giảm khác	(19.950.909)	-
Thu nhập chịu thuế	36.673.897.216	29.200.402.732
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.334.779.444	5.840.080.547
Giảm 30% thuế TNDN ⁽¹⁾	(170.702.792)	(196.888.945)
Chi phí thuế TNDN truy thu Công ty mẹ	-	(107.658.607)
Chi phí thuế TNDN truy thu Công ty con ⁽²⁾	131.887.574	54.395.146
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.295.964.225	5.589.928.141

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

⁽¹⁾ Công ty CP In Bạc Liêu được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

⁽²⁾ Theo Kết luận thanh tra thuế số 38/KL-CTBL1 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Cục thuế tỉnh Bạc Liêu, niên độ kiểm tra từ năm 2017 đến năm 2020.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	92.506.402.399	106.197.905.718
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.752.229.056	8.458.651.079
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.474.354.971	6.426.359.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.157.311.503	34.778.435.990
Chi phí khác bằng tiền	27.695.705.239	30.525.309.889
Cộng	151.586.003.168	186.386.662.294

12. Lãi trên cổ phiếu

12a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.595.776.119	17.255.999.208
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.895.346.542)	(1.185.184.946)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi^(*)</i>	<i>(1.895.346.542)</i>	<i>(1.185.184.946)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.700.429.577	16.070.814.262
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.187.922	12.103.912
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.692	1.328

^(*) Tập đoàn tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 6,87%, căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐ-2021 ngày 30 tháng 06 năm 2021. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.103.912	12.103.912
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	3.084.010	-
...	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.187.922	12.103.912

12b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.700.429.577	16.070.814.262
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.700.429.577	16.070.814.262
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.187.922	12.103.912
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.692	1.328

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.187.922	12.103.912
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.187.922	12.103.912

1121 5 2 2 5 1211

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT:VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT:VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.628.636.364	2.761.272.731
Trên 1 năm đến 5 năm	4.838.181.818	10.148.454.554
Trên 5 năm	-	-
Cộng	8.466.818.182	12.909.727.285

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 0 VND (năm trước là 0 VND).

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

1121 5 2 2 5 1211

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Lưu Hoàng Thống – P.TGD</i>		
- Tạm ứng	201.120.000	808.764.000
- Hoàn ứng	(847.904.000)	(19.185.000)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt ()*

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.542.336.118	2.393.555.053
Thù lao	636.000.000	564.000.000
Tiền thưởng	107.000.000	-
Cổ tức	2.011.619.800	1.257.927.000
Khác	-	-
Cộng	5.296.955.918	4.215.482.053

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết	Năm nay	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
<i>Hội đồng quản trị</i>							
Nguyễn Tuấn Quỳnh	2.003.689.414	Chủ tịch HĐQT	-	504.000.000	72.000.000	1.709.045.200	4.288.734.614
Nguyễn Thị Việt Ánh	1.395.188.257	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	84.000.000	18.000.000	-	102.000.000
Nguyễn Thị Hiền	-	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	12.000.000	-	2.865.867.957
Lê Xuân Trinh	-	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	12.000.000	-	72.000.000
Dương Xuân Phát	-	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	3.237.000	33.237.000
Phù Chí Anh	608.501.157	Thành viên HĐQT kiêm PTGD, kiêm KTT	-	60.000.000	12.000.000	-	72.000.000
Nguyễn Văn Khánh	-	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	12.000.000	-	1.047.629.657
Hoàng Anh Dũng	-	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	6.000.000	-	66.000.000
<i>Ban Kiểm soát</i>							
Đỗ Cao Sơn	-	Trưởng BKS	-	30.000.000	-	-	30.000.000
Trần Chí Hiếu	-	Thành viên BKS	-	132.000.000	23.000.000	202.410.500	357.410.500
Ngô Thế Anh	-	Thành viên BKS	-	48.000.000	9.000.000	-	57.000.000
<i>Ban Điều hành</i>							
Nguyễn Thị Việt Ngọc	538.646.704	Phó Tổng Giám đốc	-	48.000.000	7.000.000	-	257.410.500
Lưu Hoàng Thống	538.646.704	Phó Tổng Giám đốc	-	36.000.000	7.000.000	-	43.000.000
Cộng	2.542.336.118		636.000.000	107.000.000	2.011.619.800	5.296.955.918	

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Năm trước	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
Hội đồng quản trị		1.515.625.480	444.000.000	-	982.290.000	2.941.915.480
Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	-	-	84.000.000
Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	994.093.333	96.000.000	-	765.814.500	1.855.907.833
Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Lê Xuân Trinh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	3.237.000	63.237.000
Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT kiêm PTGD, kiêm KTT	521.532.147	54.000.000	-	213.238.500	788.770.647
Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	-	30.000.000
Ban Kiểm soát		-	120.000.000	-	112.450.500	232.450.500
Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	48.000.000	-	-	48.000.000
Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	36.000.000	-	112.450.500	148.450.500
Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Ban Điều hành		877.929.573	-	-	163.186.500	1.041.116.073
Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	383.885.000	-	-	155.736.000	539.621.000
Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	494.044.573	-	-	7.450.500	501.495.073
Cộng		2.393.555.053	564.000.000	-	1.257.927.000	4.215.482.053

Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt
- Và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	381.915.064.700	386.537.399.016
Trả tiền mua hàng	(404.572.399.805)	(430.805.506.981)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. Chi phí vốn hoá

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

6. Báo cáo theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6a. Theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động xăng dầu	Hoạt động bách hóa	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	764.305.866.529	2.805.241.204.284	291.960.001.310	3.861.507.072.123
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	723.637.949.356	2.717.832.125.101	268.184.366.646	3.709.654.441.103
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.667.917.173	87.409.079.183	23.775.634.664	151.852.631.020
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	732.686.715.463	3.205.518.288.051	283.869.939.722	4.222.074.943.236
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	687.570.760.652	3.082.721.512.400	264.091.914.185	4.034.391.989.598
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.115.954.811	122.796.775.651	19.778.025.537	187.690.755.999

6b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Tập đoàn toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

- Công ty thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh mục V.3, V.20)
- Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.11 và V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 17.933.229.916 VND (số đầu năm là 7.118.469.780 VND).
- Công ty thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.8, V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 67.462.699.360 VND (số đầu năm là 100.354.224.527 VND).
- Công ty thế chấp tài sản cố định hữu hình là căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 để đảm bảo cho khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.10, V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 242.777.774 VND (số đầu năm là 306.111.110 VND).
- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình (Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018) để bảo

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.9, V.20).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

- Công ty đang tiến hành các thủ tục thoái vốn đầu tư theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu.
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (cổ đông lớn chiếm 16,17%) đang tiến hành thoái vốn tại Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 40/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 08 tháng 3 năm 2022.

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

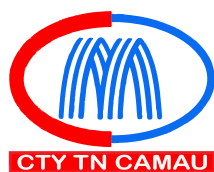
Tổng Giám đốc

PHÙ CHÍ ANH

PHÙ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH





CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

Cà Mau, ngày 19 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH